



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Trụ sở : 225 Bến Chương Dương (Đại Lộ Võ Văn Kiệt) - Q.1 - TP.HCM

Tel : (84.8) 3 836 7734 - 3 836 8878 · Fax : (84.8) 3 836 0582

Website : www.chuongduongcorp.vn · Email : cdacic@vnn.vn

Mã chứng khoán (HOSE) : CDC

MỤC LỤC

Trang

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	9
IV. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	23
V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	25
VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
VII. BAN KIỂM SOÁT	35
VIII. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	41
IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	51
X. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	79

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Chương Dương (Chương Dương corp.) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xây Lắp – Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1 – Bộ Xây Dựng, có truyền thống lâu đời tại Việt Nam, tiền thân là hãng Eiffel Asia – một chi nhánh của hãng Eiffel (Cộng Hòa Pháp). Từ năm 1977, Eiffel Asia được chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam để trở thành một trong những công ty xây dựng hàng đầu ở khu vực phía nam. Qua quá trình xây dựng và trưởng thành, công ty đã từng có những tên gọi là: Xí nghiệp Lắp máy; Công ty Xây lắp và đến ngày 20/11/2003 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký quyết định chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Chương Dương – (theo quyết định số 1589/QĐ-BXD) (Chương Dương ACIC). Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Chương Dương (mã chứng khoán là CDC) chính thức đưa 3,6 triệu cổ phiếu vào giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 12/2007; Tháng 4/2009 được đổi tên là Công ty Cổ phần Chương Dương (CDC) và đến 9/2010 hơn 12,465,715 cổ phiếu được chuyển từ Sở giao dịch chứng khoán Hà nội vào niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế trong nước chưa phục hồi, chính sách kiểm chế lạm phát và siết chặt tín dụng rất gay gắt hiện nay, gây ra không ít những ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước những khó khăn đó, Hội đồng Quản trị đã kịp thời :

- Bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông, để có những quyết sách kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh Công ty.
- Thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp để điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh từng thời kỳ cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh trong tất cả lĩnh vực.
- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi phí, hạn chế thấp nhất rủi ro phát sinh trong kinh doanh, đảm bảo hiệu quả trong quản lý kinh tế.
- Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu các công trình xây lắp, tiếp thị bán căn hộ của dự án Chương Dương Garden và duy trì tốt công tác dịch vụ quản lý tại Central Garden, đảm bảo doanh thu thường xuyên cho lĩnh vực bất động sản.
- Đầu tư bất động sản tập trung, chọn lựa những dự án có tính khả thi cao.

+ **Việc thành lập:** Năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định chuyển 2 đơn vị trực thuộc thành Công ty TNHH 2 thành viên, gồm: Công ty TNHH TV-ĐT-XD Chương Dương và Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn.

+ **Tăng vốn và niêm yết:**

- Phát hành tăng vốn từ 14 tỷ lên 18 tỷ (Năm 2006)
- Tăng vốn từ 18 tỷ lên 36 tỷ (Năm 2007) và niêm yết trên HNX
- Tăng vốn từ 36 tỷ lên 64,657 tỷ (Năm 2008)
- Tăng vốn từ 64,657 tỷ lên 12,465,715 tỷ đồng (năm 2009)
- Chuyển niêm yết cổ phiếu từ HNX sang HOSE và giao dịch phiên đầu tiên tại HOSE vào ngày 13/09/2010.

+ **Các thành tích trong xây dựng đã được xác nhận:**

- Huân chương Lao động hạng I
- Huân chương Lao động hạng II
- Huân chương Lao động hạng III

1 cá nhân được trao tặng danh hiệu Anh hùng lao động, 1 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ.

Nhiều bằng khen Chính phủ

Nhiều công trình được tặng huy chương vàng chất lượng cao và 1 bằng khen đơn vị đạt chất lượng cao của ngành xây dựng:

TÊN CÔNG TRÌNH	MỨC ĐỘ KHEN THƯỞNG	CƠ QUAN ĐÁNH GIÁ
Dây chuyền tinh luyện nhà máy dầu Tường An Nhà máy điện Phú Mỹ 1	Huy chương vàng chất lượng cao CT 2000 Đã được chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng công trình kỹ thuật cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam Mitsubishi Heavy Industry Ltd
Trại chăn nuôi heo Chiashin	Đã được chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng công trình	Công ty TNHH Nông Lâm Đài Loan
Nhà Điều hành KCN Tân Tạo	Đã được chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng công trình	Công ty cổ phần Tân tạo
Dàn giáo thép xây tô	Huy chương vàng chất lượng cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam
Vì kèo thép khẩu độ 40,8m	Huy chương vàng chất lượng cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam
Nhà máy thủy điện Thác Mơ	Huy chương vàng chất lượng cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam
Nhà máy thủy điện Trị An	Huy chương vàng chất lượng cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam
Nghĩa trang Liệt sĩ Thành Phố	Huy chương vàng chất lượng cao	Bộ Xây Dựng & Công Đoàn Ngành Xây Dựng Việt Nam

2. Quá trình phát triển

* Giới thiệu về công ty:

Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG**

Tên viết tắt: **CHƯƠNG DƯƠNG CORP.**

Mã chứng khoán: **CDC**

Trụ sở chính: 225 Đại Lộ Võ Văn Kiệt – Q.1 - TP. HCM
 Điện thoại: (84.8) 3 836 7734 – 3 836 8878
 Fax: (84.8) 3 836 0582
 Website: www.chuongduongcorp.vn
 Email: cdacic@vnn.vn
 Vốn điều lệ: **124.657.150.000** đồng (Một trăm hai mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).
 Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 08/04/2011:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	2.962.976	23,76
Cổ đông nội bộ	2.371.487	19,00
Cổ đông bên ngoài	7.131.252	57,24
Tổng số	12.4.657.150	100 %

+ Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty:

Kinh doanh bất động sản; dịch vụ bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng làm việc.

Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, định giá và môi giới bất động sản.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.

Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay.

Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0.4 kv đến 110 kv.

Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc.

Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn.

Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng.

Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp.

Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng.

Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.

Thiết kế nội – ngoại thất công trình.

Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng .

Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

+ Tình hình hoạt động

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Ưu tiên đầu tư phát triển năng lực thi công xây lắp, nâng tỷ trọng kinh doanh xây lắp trong hoạt động sản xuất kinh doanh lên **75%** giá trị doanh thu năm 2011.
- Hoàn thành 100% các chỉ tiêu kinh tế, tài chính năm 2011.
- Tăng trưởng bền vững và đạt tối thiểu từ 10% – 15% mức tăng sản lượng, doanh thu so với năm 2010.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Công ty, cổ đông và người lao động; cổ tức đạt tối thiểu 18% trong năm 2011.
 - Nâng cao hiệu quả kinh doanh bất động sản; Đưa vào khai thác kinh doanh dự án Chương Dương home và tăng cường tiếp thị bán đạt tối thiểu 90% số căn hộ Chương Dương Garden.
- + Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển Công ty đã được Đại hội cổ đông những năm qua xác định, là cơ sở để xây dựng các mục tiêu kinh doanh hằng năm.
 - Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và đầu tư công nghệ mới, vật liệu mới nhằm giảm chi phí nâng cao năng lực cạnh tranh.
 - Duy trì phát triển ba sản phẩm chính có thế mạnh trong hoạt động của công ty là công trình xây dựng, kinh doanh căn hộ thương mại và cho thuê bất động sản tùy theo từng giai đoạn thích hợp của thị trường.
 - Tăng cường đầu tư chiều sâu vào thiết bị công nghệ xây dựng để sản phẩm mang lại giá trị gia tăng cao nhất.
 - Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm...)

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp.

Việc tổ chức triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện nghị quyết nghiêm túc, không có tình trạng chống thi hành nghị quyết. Tuy nhiên, kết quả thực hiện một số nội dung của nghị quyết còn bị hạn chế, hiệu quả đạt được chưa cao như vấn đề thanh quyết toán khối lượng xây lắp, thu hồi vốn, thực hiện tiến độ thi công và hiệu quả công trình. Nội dung kiểm điểm những vấn đề chưa thực hiện hoặc thực hiện không đạt chưa thực sự sâu sắc đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả chung.

HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như quan sát, kiểm tra thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, các mẫu biểu, văn bản báo cáo của cán bộ quản lý, sử dụng những bộ phận quản lý khác nhau để kiểm tra nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót trong quản lý và điều hành công ty.

Tổng Giám đốc công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được ghi trong điều lệ và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết của HĐQT, chưa phát hiện tình trạng quản lý gây thất thoát tài sản công ty. Một số chỉ tiêu kinh tế Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Việc triển khai thực hiện nghị quyết các kỳ họp của hội đồng quản trị chưa thực sự đạt yêu cầu.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch 2010		Tăng trưởng ±(%) năm 2010 so với 2009
			Thực hiện	Tỷ lệ đạt (%)	
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	403.58 tỷ	470.50 tỷ	104.56	16.59%
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	312.28 tỷ	382.407 tỷ	102.65	22.4%
III	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	138.87 tỷ	85.30 tỷ	45.77	Tăng trưởng âm
IV	LỢI NHUẬN	31.32 tỷ	38.720 tỷ	96.8	25.80%
	- Thuế TNDN		9.86	98.61	
	- LN/DT (%)		10.12	94.23	
	- LN/Vốn ĐL(%)		31.06	96.82	
V	TỔNG TÀI SẢN	513.47 tỷ	722.782 tỷ		40.76%
VI	CỔ TỨC % (dự kiến)	20	30	150%	

2.1. Đánh giá các mặt hoạt động

2.1.1 Hoạt động xây lắp và SXCN

Lĩnh vực xây lắp và SXCN trong năm 2010 cho dù vẫn chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, khó khăn chung do chính sách tài khóa của Chính phủ tác động đến thị trường tiền tệ, dẫn đến tình hình vốn kinh doanh tiếp cận khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến mọi lĩnh vực kinh doanh của Cty. Tuy nhiên trong những tháng đầu năm 2010 công ty đã nhận thầu được nhiều công trình xây lắp, cùng với những công trình chuyển tiếp từ năm 2009 và có nguồn thanh toán ổn định như Công trình Nhà máy Thủy Điện Đồng Nai 4 có giá trị lớn, đảm bảo hoàn thành được các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông 2010 đề ra, bù đắp cho doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Về sản xuất kết cấu thép và bê tông trong năm 2010 đạt kết quả khả quan với giá trị trên 85 tỷ đồng.

Tiếp tục khai thác đá tại mỏ 4C, phục vụ thi công nhà máy thủy điện Đồng nai 4, mang lại lợi ích kinh tế cao.

+ Tồn tại :

- Công tác kiểm soát tiến độ thi công tại một số công trình chưa đạt yêu cầu mong muốn.
- Công tác thanh toán khối lượng và nghiệm thu bàn giao khi công trình hoàn thành ở một số công trình chưa kịp thời
- Chi phí phát sinh chưa được tính toán trước.
- Tổ chức xây dựng lực lượng thi công xây lắp chưa được chú trọng; Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Các đơn vị xây lắp trực thuộc chưa đủ mạnh, chưa chủ động tìm việc phục vụ nhu cầu sản xuất của bản thân.
- Quản lí rủi ro chưa tốt.

+ Giải pháp:

- Đổi mới hoạt động quản lý, điều hành công tác xây lắp bằng việc gắn quyền lợi, trách nhiệm của đơn vị thi công với công việc mà họ thực hiện.
- Lãnh đạo công ty phải tăng cường trách nhiệm trong quản lý hoạt động theo lĩnh vực được phân công.
- Tăng cường tiếp thị.
- Thực hiện quản trị rủi ro tốt hơn trong nhận thầu xây lắp.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề, lực lượng thi công đủ sức thực hiện những công trình có giá trị lớn.

2.1.2 Hoạt động đầu tư và kinh doanh sau đầu tư :

Tổng mức đầu tư trong năm chỉ đạt 85 tỷ đồng, xem như không hoàn thành kế hoạch. Trong điều kiện tín dụng ngân hàng khó khăn, thị trường bất động sản hầu như bị đóng băng, Công ty chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư, để tránh khó khăn trong việc huy động vốn.

- **Về đầu tư MMTB nâng cao năng lực sản xuất:** Những thiết bị đã đầu tư như máy nghiền sàng đá, cát, máy hàn tự động, máy nắn dầm, máy cắt tôn, mỏ hàn MIG, xe tải cầu, máy phát điện, xe chuyển trộn bê tông và một số thiết bị khác. Tất cả những MMTB trên đều đã được đưa vào vận hành và mang lại hiệu quả kinh tế
- **Đầu tư địa ốc :** Năm 2010 thị trường bất động sản còn nhiều khó khăn, sức cầu về căn hộ rất yếu. Công ty đã chủ động điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án bất động sản lớn là dự án Tân Hương và dự án thu nhập thấp tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, quy mô 4.5 ha (Giai đoạn 1 là 3 ha) quy mô 1,700 căn hộ. Đối với dự án Golden Land Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết giao Tổng giám đốc kết thúc việc thương thảo với đối tác trong việc hợp tác chuyển nhượng quyền đầu tư.
- **Kinh doanh cho thuê bất động sản:** Tổng diện tích sàn đã cho thuê là 4,501.7 m² đạt xấp xỉ 90 % tổng diện tích. Doanh thu từ cho thuê năm 2010 đạt xấp xỉ 30 tỷ đồng. Dự án Đại lộ Đông Tây (nay là Đại lộ Võ Văn Kiệt) đã hoàn thành nên đã có ảnh hưởng tốt đến khả năng kinh doanh của Công ty trên lĩnh vực này.
- **Triển vọng đầu tư :** Công ty thường xuyên duy trì số dự án khả thi có thể triển khai. Trong năm 2011 tiếp tục khai thác kinh doanh dự án Tân Hương, dự án nhà ở Chương Dương Home dành cho người có thu nhập thấp, Kết thúc thủ tục pháp lý hợp tác chuyển nhượng quyền đầu tư dự án Golden Land. Tìm kiếm và đầu tư dự án đất nền tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Như vậy lĩnh vực kinh doanh bất động sản sẽ là lĩnh vực mang lại nhiều lợi thế cho công ty trong những năm tiếp theo.

2.1.3 Hoạt động quản lý tài chính :

- Quản lý tài chính có ý nghĩa quan trọng trong việc quản trị hoạt động công ty. Ngoài chế độ quản lý tài chính do nhà nước ban hành, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành những quy chế nội bộ nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và điều hành như quy chế tài chính nội bộ, quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công ty, qui chế đánh giá chất lượng lao động và nhiều qui chế khác phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh Cty.

- Hoạt động tài chính được lập kế hoạch chi tiết cho từng nghiệp vụ kinh doanh cụ thể, quản lý dòng tiền, quản lý thu chi theo kế hoạch. Hạn chế thấp nhất tình trạng chi tiêu vượt kế hoạch được duyệt.
- Quản lý hoạt động rủi ro về tài chính luôn được chú trọng, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tương đối đầy đủ theo quy định.
Công ty đã tìm kiếm được nguồn vốn cho kinh doanh bất động sản .
- Việc sử dụng vốn phát hành thành công trong đợt tăng vốn điều lệ công ty từ 64 tỷ đồng lên 124 tỷ đồng, đảm bảo đúng nguyên tắc và qui định. tổng vốn thu về 82 tỷ đồng đầu tư chủ yếu phục vụ các dự án bất động sản theo đúng phương án phát hành.

2.1.3 Các mặt hoạt động khác :

- Hoạt động SXKD khác như : kinh doanh vật liệu xây dựng (Công ty TNHH Thương mại Chương Dương) hoàn thành vượt kế hoạch, tuy nhiên cũng chỉ chủ yếu hoạt động cung cấp các dự án trong nội bộ, chưa dám mở rộng thị trường.
- Hoạt động quản trị nhân sự, tổ chức bộ máy tương đối ổn định. Năm 2010, chỉ có 1 vị trí cán bộ chủ chốt Công ty do sức khỏe không đảm bảo, nên đã xin nghỉ điều trị bệnh và được HĐQT chấp thuận.

2.2 Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Bám sát mục tiêu chiến lược là tăng doanh thu, giảm chi phí , tối đa hóa lợi nhuận thực hiện, đảm bảo lợi ích của cổ đông. Trong ngắn hạn, phát triển công ty bền vững, duy trì lợi thế ngành, phát triển ba sản phẩm chủ chốt, gắn đầu tư với thị trường.
- HĐQT công ty chỉ đạo cán bộ quản lý xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch tuân thủ đúng định hướng chủ đạo trong sản xuất kinh doanh năm 2011 là đẩy mạnh kinh doanh xây lắp và SXCN, cho thuê bất động sản và đầu tư có chọn lọc và duy trì hiệu quả kinh tế cao.
- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 dựa trên thực lực có sẵn của công ty và có tính đến các yếu tố rủi ro trong kinh doanh.
- Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.
- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những tập thể cá nhân mang lại lợi ích cho công ty đồng thời cũng chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, gây thiệt hại cho lợi ích của công ty.
- Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và các nghị quyết của HĐQT trong các kỳ họp.
- Chỉ đạo hoạt động của công ty tuân thủ đúng những quy định của pháp luật có liên quan.
- Ban hành bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ công ty nhằm phục vụ cho quản trị công ty, quản lý và điều hành công ty được thuận lợi.
- Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ trực thuộc quản lý của Hội đồng quản trị, phối hợp tốt với Ban kiểm soát công ty tổ chức các đợt kiểm tra hoạt động SXKD đột xuất, định kỳ.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu công ty.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty, hoàn tất bộ máy quản trị, điều hành Công ty theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty con.
- Tăng cường tìm kiếm các dự án đầu tư.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

❖ Trích khấu hao tài sản cố định:

Công ty thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định theo Quyết định 206/2003/QĐ -BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính:

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Tài sản	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	05 - 10
Quyền sử dụng đất	20

Mức lương bình quân:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty	2.8	3.5	4.3
Mức độ tăng trưởng	18%	25%	20.0%

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.920	37.349	9.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.170	16.582	18.167
Thuế Thu nhập cá nhân	681	817	386
Các loại thuế khác	63	195	286
TỔNG CỘNG	22.834	54.943	28.503

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009, 2010

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư và phát triển: được trích lập 15% từ lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ trích nộp cho đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ khen thưởng – phúc lợi: được trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế.

Tình hình trích lập các quỹ tại Công ty trong thời gian qua như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Tỷ lệ /LNST	Năm 2009 ^(*)	Tỷ lệ /LNST	Năm 2010 ^(*)	Tỷ lệ /LNST
Quỹ đầu tư phát triển	8.367	38,2%	1.382	6.3%	1.923	6.7%
Quỹ dự phòng tài chính	1.119	5 %	1.129	5.2%	1.372	4.8%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.201	10 %	1.129	5.2%	1.374	4.8%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2008, 2009, 2010

❖ **Tổng dư nợ vay**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Vay ngắn hạn	40.886.733.440	119.547.279.997	151.139.350.285
Vay dài hạn	11.243.750.455	8.544.669.455	51.742.119.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.931.479.000	2.912.580.000	51.600.000
Dư nợ bảo lãnh	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2008, 2009, 2010

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Các khoản phải thu:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Phải thu khách hàng	82.883.112.582	138.564.878.911	242.696.654.823
Trả trước cho người bán	57.998.347.570	90.836.414.723	30.090.918.383
Phải thu khác	2.451.209.961	1.792.294.711	2.569.242.311

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009, 2010

Các khoản phải trả:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2009
Phải trả cho người bán	63.540.130.087	67.168.538.707	154.160.909.847
Người mua trả tiền trước	3.314.748.420	14.669.004.091	11.941.275.341
Thuế và các khoản phải nộp NN	22.834.020.148	54.943.177.421	28.503.757.494
Các khoản phải trả khác	66.261.346.888	21.245.566.478	26.875.066.685
Phải trả dài hạn khác	2.315.038.045	5.952.955.946	6.992.818.214

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2008, 2009, 2010

Phải trả dài hạn khác chủ yếu là khoản tiền nhận ký quỹ thuê văn phòng tại 225 Bến Chương Dương.

1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1	1,67	1,42
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,83	0,25	0,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,70	0,43	0,37

+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,3	1,48	1,08
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2.86	1.92	1.04
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,81	0,61	0,53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,2%	8%	8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	20,5 %	15%	12%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,8%	5%	4%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	9%	10%	11%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008, 2009, 2010

+ Chính sách chia cổ tức:

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

ĐVT: đồng

Nội dung	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Cổ tức /cổ phiếu	1.600	2.000	3.000
Tỷ suất cổ tức trên VĐL	16%	20%	30%

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh
- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động)
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có)
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2010, nền kinh tế Việt nam có nhiều kỳ vọng phục hồi sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Tuy nhiên thực tế vẫn còn nhiều tồn tại làm cho đà phục hồi tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường. Đầu tư khu vực kinh tế tư nhân giảm; Thanh khoản của hệ thống ngân hàng căng thẳng, dẫn đến thắt chặt tín dụng, lãi suất cho vay tăng mạnh, tình trạng khan hiếm vốn của doanh nghiệp rất lớn và nền kinh tế lại phải đối đầu với cuộc chiến chống lạm phát. Với lý do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Chương Dương nói riêng vì thế cũng gặp một số hạn chế, khó khăn nhất định. Mức độ tăng trưởng trong hoạt động thi công xây lắp, sản xuất công nghiệp chỉ ở mức trung bình; Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản không có dấu hiệu phục hồi;
- Tuy nhiên, cùng với ý chí nỗ lực phấn đấu của toàn hệ thống trong Công ty, từ việc tập trung cao độ các nguồn lực cho công tác sản xuất kinh doanh nhất là đối với các công trình trọng điểm, các lĩnh vực hoạt động về bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản đã tạo doanh thu và đã đạt được kết quả khả quan, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch năm 2010 đã được Đại hội cổ đông quyết nghị như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2010	T/HIỆN NĂM 2010	Tỷ lệ TH 2010/KH2010
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	Tr. đồng	450,000	470,503	104.56%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	175,000	257,720	147.27%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	133,500	122,152	91.50%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	115,000	72,998	63.48%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	26,500	17,633	66.54%
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	Tr. đồng	372,500	382,407	102.66%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	116,800	178,095	152.48%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	114,200	112,382	98.41%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	115,000	73,565	63.97%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	26,500	18,365	69.30%
III	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN				
1	Gia công kết cấu thép	tấn	3,000	1,863	62.11%
2	Bê tông các loại	m3	50,000	42,684	85.37%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Tr. đồng	186,385	85,312	45.77%

1	Đầu tư dự án	Tr.đ	173,481	81,657	47.07%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tr.đ	12,904	3,655	28.32%
VI	LỢI NHUẬN				
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	40,000	38,720	96.68%

*** Mức độ tăng trưởng trong hoạt động SXKD năm 2010 so với năm 2009 :**

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2009	Thực hiện năm 2010	Tăng trưởng ±(%) năm 2010 so với 2009
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	403,58 tỷ	470,53 tỷ	16.59%
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	312,28 tỷ	382,40 tỷ	22.45%
III	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	138,87 tỷ	85,31 tỷ	-38.57%
IV	LỢI NHUẬN	31,32 tỷ	38.72 tỷ	23.63%
V	TỔNG TÀI SẢN	513,47 tỷ	722,782 tỷ	40.76%

+ Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2010 :

a. Công tác lãnh đạo, tổ chức điều hành SXKD

Về mặt chủ quan, nhiệm vụ trong công tác tổ chức điều hành SXKD trong năm 2010 của Ban lãnh đạo Công ty đã cơ bản hoàn thành. Tập thể Công ty cổ phần Chương Dương đúng đầu là Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đã lãnh đạo, điều hành các đơn vị, phòng ban chuyên môn vượt qua khó khăn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra năm 2010.

Công tác bộ máy, nhân sự trong năm 2010 thực hiện sắp xếp kiện toàn bộ máy một số đơn vị như Sàn giao dịch Bất động sản Chương Dương; Phòng Phát triển dự án và Quản lý đầu tư ... Công tác tuyển dụng mới, điều chuyển nhân sự nội bộ phù hợp với nhu cầu chuyên môn của các phòng ban và năng lực chuyên môn của cá nhân; Chuyển đổi 2 đơn vị trực thuộc từ mô hình Xí nghiệp lên Công ty TNHH 1 thành viên, nhằm tạo điều kiện tốt cho các đơn vị trực thuộc phát triển, chủ động trong điều hành, nâng cao tính trách nhiệm và từng bước nâng năng lực hoạt động của toàn hệ thống công ty, đáp ứng các điều kiện, yêu cầu khắt khe của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể:

b. Công tác tiếp thị đấu thầu

Bộ phận tiếp thị đấu thầu đã tiếp nhận và tham mưu cho lãnh đạo Công ty tham gia đạt nhiều gói thầu trên địa bàn TP.HCM và các Tỉnh lân cận, giá trị bình quân các gói thầu đạt được dao động trên dưới 30 tỷ đồng, cơ bản tạo nguồn việc cho Công ty trong năm và gói đầu cho năm 2011. Chế độ theo dõi, cập nhật thông tin, cập nhật văn bản pháp lý liên quan công tác quản lý đầu tư xây dựng và công tác đấu thầu đã được thực hiện từng khâu từ công tác tiếp cận khách hàng, lập, kiểm tra hồ sơ dự thầu và tham dự đấu thầu nên kết quả đạt được đáp ứng nhu cầu về số lượng hồ sơ đạt trên số hồ sơ tham dự; đồng thời chất lượng, giá trị gói thầu sau khi thương thảo hợp đồng sát với thị trường, đảm bảo đủ chi

phí và có lãi. Năm 2010, Công ty đã tham dự và trúng thầu 10 công trình với giá trị tổng cộng 280 tỷ đồng.

c. Công tác quản lý kỹ thuật thi công

Công tác quản lý kỹ thuật thi công khá tốt, một số công trình đạt được yêu cầu về tiến độ, chất lượng như: Các Hạng mục của Thủy điện Đồng Nai 4; Kho dự trữ lương thực Đồng Tháp; Móng bồn dầu kho cảng Cái Mép; Đúc cọc KTX Đại học Quốc gia; Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2; Trung tâm phân phối dược phẩm Codupha... và tại các dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư.

d. Công tác kế hoạch, ISO, an toàn lao động

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên để đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty. Qua đánh giá chất lượng định kỳ năm 2010 được cơ quan kiểm định chuyên ngành chứng nhận đạt kết quả tốt, vận hành bình thường. Việc áp dụng cơ chế quản lý theo ISO vào quản lý thi công xây dựng công trình và quản lý đầu tư được thực hiện nghiêm túc trong các bộ phận phòng ban nghiệp vụ. Chế độ báo cáo, trao đổi thông tin giữa các bộ phận, phòng ban được thực hiện nghiêm túc theo quy chế nội bộ công ty.

- Về huấn luyện an toàn lao động: đã huấn luyện cho 100% quân số.
- Phổ biến đầy đủ các chủ trương, các yêu cầu về an toàn lao động của Sở lao động Thành phố và của Cơ quan chủ quản xuống các đơn vị.
- Đã kiểm tra và cho kiểm định 100% các máy móc, thiết bị mà công ty quản lý có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLD.

e. Công tác kinh doanh dịch vụ Bất động sản, kinh doanh vật tư

- Doanh thu bình quân của hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà, bất động sản đạt bình quân 2,3 tỷ đồng/tháng, diện tích sàn cho thuê đạt gần 100%. Các sản phẩm dịch vụ tăng thêm trong năm 2010 như cho thuê vị trí (đặt máy ATM, đặt bảng hiệu quảng cáo, đậu xe...) cũng đã góp phần đáng kể cho doanh thu của hoạt động dịch vụ bất động sản tại Central garden, 225 Bến Chương Dương, Q.1.

- Hoạt động kinh doanh vật tư, cho thuê máy móc thiết bị (của Công ty TNHH Thương mại Chương Dương): nhìn chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thị phần còn nhỏ, chủ yếu cung cấp nội bộ cho các công trình do Công ty mẹ đang thực hiện. Mặc dù công ty đã có động thái mở rộng thị trường, đa dạng đối tượng phục vụ nhưng nhìn chung kết quả đạt được chưa cao, doanh thu bán ngoài chưa đạt so với kế hoạch đầu năm.

f. Công tác đầu tư và phát triển dự án

- Năm 2010, nền kinh tế nước ta vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên các mặt hoạt động SXKD nhìn chung vẫn ở trạng thái phục hồi, chưa phát triển mạnh mẽ. Hoạt động đầu tư vì thế cũng chưa được cải thiện, đặc biệt là thị trường bất động sản chững lại do nhà nước có điều chỉnh một số chính sách về đất đai, thuế... và tác động chung của thị trường.

- Trong năm 2010 tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án chuyển tiếp năm 2009 và đầu tư mới gồm :

- + Dự án Khu B – Khu Dân Cư SVĐ Long An
- + Dự án Chung cư cao tầng Tân Hương – Chương Dương Garden
- + Dự án Chương Dương Golden Land
- + Dự án Nhà Ở Thu Nhập Thấp – Chương Dương Home
- + Thực hiện đầu tư máy móc TB, nâng cao năng lực SX

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Công tác quản lý, điều hành:

Công tác quản trị doanh nghiệp được cụ thể bằng các qui chế, qui định cụ thể, việc thực hiện và kiểm soát thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị được nghiêm túc và hiệu quả; Công tác điều hành sản xuất kinh doanh được nâng cao và bám sát với từng đặc thù ngành nghề, Công tác quản lý kinh tế, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực được quan tâm tốt hơn về chất lượng thực hiện. Vận hành và duy trì hiệu quả hệ thống đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000-2008

b. Công tác kinh tế kỹ thuật: Công tác quản lý về đấu thầu tìm kiếm dự án thi công được thực hiện tốt, nhiều dự án có qui mô lớn được trúng thầu và đảm bảo được hiệu quả kinh tế cao. Công tác quản lý các hợp đồng kinh tế chặt chẽ và khoa học, hạn chế thấp nhất những rủi ro kinh tế có thể xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

c. Công tác quản trị tài chính doanh nghiệp: kiểm soát tài chính trong toàn hệ thống chặt chẽ, không để tình trạng thất thoát và lãng phí trong mọi hoạt động chi tiêu của Công ty; Việc huy động vốn từ các kênh khác nhau thuận lợi và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

d. Công tác đầu tư

Lĩnh vực đầu tư bất động sản được khái quát bằng các qui trình thực hiện rất cụ thể, phù hợp các qui định của Pháp luật hiện hành. Việc triển khai các dự án chung cư cao tầng đảm bảo lợi nhuận cho công ty trong những năm qua và các năm tiếp theo.

e. Quản trị nguồn nhân lực

Nghiên cứu và thiết lập chính sách về nhân sự cho toàn hệ thống công ty để đầu tư có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh hiện nay và phát triển trong dài hạn.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

4.1 Tổng quan về những tác động của môi trường kinh doanh

Năm 2011, hoạt động đầu tư, xây lắp thuộc ngành xây dựng dự đoán sẽ gặp một số khó khăn nhất định. Ngay từ những tháng đầu năm tình hình lạm phát và biến động giá diễn biến phức tạp sau một số điều chỉnh tăng giá của Chính phủ đối với một số mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện nước... kéo theo giá cả vật liệu ngành xây dựng như sắt thép, vật liệu xây dựng tăng cao. Thị trường tiền tệ không ổn định, lãi suất tín dụng tăng cao bất thường nên việc tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay tại các ngân hàng dự đoán gặp nhiều khó khăn, mức độ rủi ro cao. Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế đạt được trong năm 2010 và năng lực hiện có của Công ty, nhận thấy những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau:

+ Yếu tố thuận lợi

a. Khả năng thị trường bất động sản có thể phục hồi trong những tháng cuối năm 2011, đây là cơ hội cho việc kinh doanh căn hộ của các dự án đầu tư bất động sản mà Công ty đã và đang tiến hành đầu tư, như dự án chung cư Chương Dương Garden, dự án Chương Dương Home, dự án Chương Dương Golden Land,...

- b. Đối với lĩnh vực xây lắp: Uy tín của Công ty ngày càng cao, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh đối với các gói thầu lớn thuận lợi.
- c. Bất động sản do công ty tạo ra trong những năm qua, hiện nay đang phát huy hiệu quả là Tòa nhà văn phòng, khu thương mại, dịch vụ gần 8,000m² sàn để cho thuê; một nhà máy Bê tông thương phẩm và nhà máy Kết cấu thép quy mô trên 22,000m² với công nghệ tương đối hiện đại, hoàn chỉnh và các tài sản khác chính là nền tảng vững chắc để công ty tiếp tục phát triển ổn định và bền vững.
- d. Chương Dương Corp. đã trở thành một doanh nghiệp đầu tư, quản lý, kinh doanh Bất động sản và xây lắp có vị thế tại khu vực phía Nam.
- e. Công ty đã thực hiện khá bài bản về chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Năm 2010 đã khai thác hoạt động lĩnh vực tư vấn thiết kế, lĩnh vực Sàn giao dịch Bất động sản là nguồn nội lực tiếp sức cho việc chào bán, đưa sản phẩm căn hộ của các dự án chung cư do Công ty đầu tư đến tay người tiêu dùng. Đồng thời đưa Công ty Tư vấn thiết kế - Đầu tư - Xây dựng Chương Dương vào hoạt động, nhằm tạo thế kinh doanh khép kín từ khâu thiết kế đến tổ chức điều hành thi công và khai thác kinh doanh.
- f. Hệ thống tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty đã được xây dựng mỗi ngày một hoàn chỉnh, thông suốt. Trình độ của cán bộ quản lý, điều hành đã được nâng cao; kỹ năng xử lý, giải quyết tình huống cũng như tính hoạch định ngày một tốt hơn.
- g. Hệ thống các quy chế, quy định nội bộ đã được ban hành trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động của công ty là cơ sở pháp lý cho công tác quản trị, điều hành của công ty và các đơn vị thành viên.

+ Yếu tố khó khăn

Dù có nhiều thuận lợi được đề cập ở trên nhưng do tác động của các yếu tố khách quan lẫn chủ quan làm ảnh hưởng không ít đến hoạt động của công ty trong năm 2011, cụ thể :

- a. Đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước có thể chậm lại, do tình hình kiểm chế lạm phát của Chính phủ trong năm. Thị trường tiền tệ chưa ổn định, vốn vay khó, lãi suất tăng khiến chi phí doanh nghiệp tăng lên. Đây là yếu tố bất lợi dẫn đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp giảm.
- b. Thị trường nhà đất : Nhu cầu có khả năng thanh toán chưa có dấu hiệu khởi sắc, trong khi đó có quá nhiều dự án đầu tư chung cư được khởi động đưa vào khai thác kinh doanh, đồng thời giá cả thị trường vật liệu xây dựng tiếp tục tăng, cùng với việc huy động và tiếp cận vốn vay khó khăn; thủ tục hành chính về qui trình xin phép đầu tư dự án còn rườm rà,... Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư kinh doanh Bất động sản.
- c. Đối với sự khó khăn nội tại của Công ty là sự thiếu linh hoạt trong hoạt động tổ chức điều hành và tổ chức thực hiện; Tư duy về hệ thống bộ máy chưa chuyên nghiệp, tính trách nhiệm chưa được thể hiện rõ nét ở một số bộ phận; Các đơn vị trực thuộc chưa năng động trong việc tìm kiếm thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả chưa cao.

4.2. Số liệu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2011	TỶ LỆ KH2011 / TH NĂM 2010
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	Tr. đồng	520,000	110.52%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	275,000	106.70%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	106,000	86.78%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	114,000	156.17%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	20,000	113.42%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng	5,000	
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	Tr. đồng	430,000	112.45%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	206,000	115.67%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	86,000	76.52%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	114,000	154.97%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	20,000	108.90%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng	4,000	
III	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN			
1	Gia công kết cấu thép	tấn	2,500	134.17%
2	Bê tông các loại	m3	40,600	95.12%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Tr. đồng	131,212	153.80%
1	Đầu tư dự án	Tr.đ	131,212	160.69%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tr.đ		
VI	LỢI NHUẬN			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	42,000	106.57%
5	Cổ tức	%	18	

4.3 Các nhiệm vụ trọng tâm trong điều hành sản xuất – kinh doanh

+ Lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp :

- Đây là lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trong toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Lĩnh vực này chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản lượng và doanh thu của công ty. Do đó, trọng tâm trong việc điều hành kế hoạch của công ty trong năm 2011 chính là điều hành thật tốt hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp.
- a. Công ty xác định xây dựng Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên và nhà máy Thủy điện Đồng Nai 4 và là hai công trình trọng điểm trong năm của công ty. Năm 2011, công trình nhà máy Thủy điện Đồng Nai 4 sẽ đi vào giai đoạn thi công quyết liệt mới đảm bảo được tiến độ bàn giao đưa vào vận hành ngay trong năm; Đối với công trình Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, đây là công trình bản lề tạo thị phần mới cho Công ty trong lĩnh vực thi công xây lắp tại khu vực Tây Nguyên nên nhiệm vụ đề ra là Công ty phải triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ đã ký kết với Chủ đầu tư, qua đó tạo uy tín và mở rộng quan hệ của Công ty đến các đối tác khác tại tỉnh Đắk

lăk nói riêng và các tỉnh lân cận ở khu vực Tây Nguyên nói chung. Do vậy nhiệm vụ đặt ra là hết sức khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực, phối hợp hiệu quả của toàn hệ thống Công ty.

Ngoài ra, nguồn lực vật chất được đáp ứng đầy đủ và kịp thời là cơ sở quan trọng để thực hiện mục tiêu kế hoạch thi công trong năm. Nguồn lực vật chất đó là nguồn tiền, máy móc, thiết bị, vật tư, nhiên liệu thi công đưa vào công trình phải đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng cũng như phù hợp về chủng loại.

- b. Tiếp tục xây dựng thương hiệu và định vị sản phẩm Kết Cấu Thép Chương Dương trên thị trường xây lắp; Xác định lĩnh vực chế tạo và gia công kết cấu thép là sản phẩm mũi nhọn trong số những sản phẩm xây lắp của công ty. Do vậy cần tập trung làm tốt công tác quảng bá, tiếp thị,... Khai thác triệt để cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ đã được đầu tư để chế tạo các sản phẩm chất lượng cao. Đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và nâng cao uy tín sản phẩm kết cấu thép Chương Dương được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.
- c. Năm 2011, nhiệm vụ của xí nghiệp Bê tông cũng rất nặng nề bao gồm đảm bảo cung cấp bê tông tại công trình Thủy điện Đồng Nai 4, Bệnh viện đa khoa vùng Tây nguyên và cung cấp cọc cho các công trình khác.

Với tổng giá trị doanh thu toàn xí nghiệp được hoạch định trong năm 2011 đạt hơn 50 tỷ đồng. Giám đốc đơn vị cần có giải pháp để xây dựng nguồn lực đủ để thực hiện cả nhiệm vụ cung cấp bê tông cho Thủy điện Đồng Nai 4, Bệnh viện đa khoa vùng Tây nguyên đồng thời vẫn duy trì cung cấp bê tông thị trường của khu vực Bình Dương và các vùng lân cận.

- d. Thực hiện tốt công tác khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng, đảm bảo cung cấp đủ đá, sắt, thép cho các công trình xây lắp.
- e. Triển khai thật tốt công tác tổ chức và xây dựng lực lượng thi công nhà cao tầng. Trong năm 2011, trước mắt tập trung thi công đúng tiến độ, đảm bảo an toàn và bàn giao đạt chất lượng tại các Công trình Nhà cao tầng do Công ty đã ký Hợp đồng với khách hàng như : Cao ốc VP Công ty Cổ phần Viễn Thông Miền Tây, Cao ốc Khách sạn 203 Bến Chương Dương – Q.1, Khu liên hợp cao ốc văn phòng Eximland và tự thực hiện các Dự án do CDC làm chủ đầu tư như : Dự án đầu tư chung cư Tân Hương (Chương Dương Garden); dự án Nhà ở thu nhập thấp phường Trường Thọ, Thủ Đức (Chương Dương Home). Đây là cơ hội cho Công ty thể hiện năng lực thi công các Dự án nhà cao tầng, qua đó mở rộng thị phần trong hoạt động thi công xây lắp tại TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong cả nước.

+ Trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh địa ốc :

Công ty xác định, đây là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo, đem lại lợi nhuận chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy:

- Tổ chức quản lý thi công thật tốt dự án chung cư cao tầng Chương Dương Garden – Q.Tân Phú, Dự án Chương Dương Home – Q.Thủ Đức. Hạn chế thấp nhất những rủi ro trong quá trình thi công; Đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công và công tác ATLĐ. Năm 2011 tập trung đầu tư tổ chức quản lý thi công dự án Nhà ở thu nhập thấp tại phường

Trường Thọ - Q.Thủ Đức, để kịp thời đưa vào khai thác kinh doanh dự án, đạt tối thiểu 50% tổng số căn hộ được tiêu thụ; Hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng quyền đầu tư dự án Golden Land trong năm 2011.

- Công ty xác định, trong những năm tới đây, sản phẩm chủ yếu của lĩnh vực đầu tư bất động sản chính là căn hộ chung cư, cao ốc văn phòng; đồng thời một số sản phẩm được quan tâm là đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; đầu tư khai thác vật liệu xây dựng.
- Về địa bàn: có thể đầu tư ở những địa phương khác, không nhất thiết chỉ ở khu vực Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, việc đầu tư ở địa bàn mới cần phải được xem xét cẩn trọng và dựa trên những đánh giá về khả năng tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn đầu tư.
- Quy trình, thủ tục đầu tư rất phức tạp, đòi hỏi thời gian kéo dài nên quá trình xúc tiến, tìm kiếm dự án, các bước đánh giá tính khả thi của dự án sẽ phải được duy trì thường xuyên, liên tục và phải được xây dựng bằng qui chế riêng cho lĩnh vực này.
- Hiệu quả của dự án đầu tư địa ốc ngoài việc phụ thuộc vào thị trường còn phụ thuộc rất lớn vào yếu tố quản lý và điều hành nội bộ. Từ việc lựa chọn thời điểm, chọn đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công; chọn thiết bị, công nghệ thích hợp cũng như phương thức bán hàng hợp lý... Phương thức quản lý - thực hiện dự án phải được chú trọng trong khâu điều hành của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Trong lĩnh vực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu

- Năm 2011 Công ty xác định sẽ chủ yếu tập trung nghiên cứu đầu tư mua sắm những thiết bị, máy móc hoặc dây chuyền công nghệ cho phù hợp với mục tiêu sản xuất – kinh doanh của công ty trong những năm tiếp theo.
- Năng suất cũng như chất lượng của một số sản phẩm tăng lên do việc thay đổi công nghệ chế tạo và máy móc thi công, chính là hiệu quả rõ rệt của việc đầu tư này.

+ Công tác kinh doanh – cho thuê và quản lý Khu cao ốc văn phòng và trung tâm thương mại, dịch vụ Central Garden

- Trong năm 2011, phấn đấu đảm bảo khai thác hiệu quả 100% diện tích cho thuê còn lại của khu cao ốc Central Garden. Nâng cao chất lượng quản lý, vận hành và cung cấp các dịch vụ cũng chính là nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa văn phòng và khu thương mại cho thuê của công ty. Nghiên cứu tiếp thị, mở rộng thêm các sản phẩm dịch vụ Bất động sản tại 225 Bến Chương Dương – Q.1 như cho thuê vị trí quảng cáo, bãi đậu xe, văn phòng giao dịch điều hành của các hãng taxi và kinh doanh các ngành nghề phụ trợ đáp ứng cho cư dân tại Central Garden, nâng cao tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ tại 225 Bến Chương Dương.
- Đầu tư nhân lực, vật lực nâng cao chất lượng hoạt động của Sàn Giao dịch Bất động sản tại 225 Bến Chương Dương - Q.1 - Tp.HCM.

+ Công tác kinh doanh vật liệu xây dựng

- Tiếp tục mở rộng các sản phẩm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị - máy móc. Trong điều kiện cho phép, khi có cơ hội có thể thực hiện việc kinh doanh vật liệu xây dựng từ khâu khai thác đến khâu tiêu thụ. Có thể mở các đại lý bán hàng cho đối tác, nhà cung cấp trong và ngoài nước.

- Quan tâm phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước. Quan tâm đến lĩnh vực xuất – nhập khẩu để đảm bảo nguồn hàng, sản phẩm kinh doanh.
- Xây dựng mảng kinh doanh vật tư trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh lớn của công ty.

+ Công tác thiết kế và tư vấn đầu tư :

- Nhằm mục đích đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, năm 2010 CDC đã thành lập đưa vào hoạt động Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Chương Dương, với chức năng chủ yếu tập trung công tác tư vấn đầu tư kinh doanh địa ốc và tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng & công nghiệp, xây dựng kết cấu công trình. Trong năm 2011 tập trung phát triển, mở rộng hoạt động của Công ty này, qua đó xây dựng một mảng kinh doanh mới hỗ trợ cho các hoạt động thi công xây lắp – sản xuất công nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư Bất động sản của Công ty Cổ phần Chương Dương.

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp

- Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị phải huấn luyện ATLĐ cho công nhân trước khi vào làm việc.
- Đảm bảo 100% máy móc - thiết bị khi đưa vào sản xuất, thi công tại công trường phải được kiểm định và còn thời hạn mới cho làm việc.
- Công tác AT-BHLĐ phải thực hiện đúng theo quy trình ISO 9001:2008.
- Đảm bảo 100% các công việc trong thi công phải lập biện pháp thi công, biện pháp ATLĐ và được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Đảm bảo đầy đủ các quy trình vận hành máy móc - thiết bị sản xuất trong toàn công ty. Tăng cường lắp đặt đầy đủ các bảng nội quy, biển báo ở công trường cũng như cơ sở sản xuất.
- Thành lập đầy đủ hệ thống AT, AT-VSV ở các đơn vị ngay từ đầu năm để đưa vào hoạt động hiệu quả; hệ thống an toàn viên phải được qua đào tạo và có chứng chỉ đầy đủ.
- Trang bị đầy đủ đồ BHLĐ cho người lao động; đảm bảo chất lượng, phù hợp với tính chất công việc theo quy định.
- Phấn đấu năm 2011 không để xảy ra bất kỳ một vụ tai nạn lao động nào.

+ Công tác ISO

- Triệt để áp dụng hệ thống Quản lý Chất lượng (QLCL) theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong hoạt động sản xuất và quản lý Doanh nghiệp; Xây dựng mục tiêu chất lượng, thực hiện quy trình hệ thống để kiểm soát chất lượng. Thường xuyên giám sát việc thực hiện của đơn vị theo quy trình, duy trì và kiểm soát hệ thống.
- Năm 2011 mở rộng hệ thống QLCL cho các đơn vị như : Công ty TNHH TM Chương Dương và Sàn Giao dịch Bất động sản Chương Dương.

4.4 Giải pháp quản lý và điều hành

- Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch nói trên, đòi hỏi công ty phải có những giải pháp, biện pháp cụ thể về quản lý - điều hành từ Công ty mẹ đến các đơn vị phụ thuộc. Những giải pháp đó là :

+ Quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

- a. Quản lý và điều hành dựa trên kế hoạch chi tiết đã được Đại hội Cổ đông và HĐQT phê duyệt. Xác định năm 2011 là năm đột phá về quản lý - điều hành Công ty theo kế hoạch.
- b. Thực hiện xây dựng các kế hoạch chi tiết của các lĩnh vực SXKD; giao công việc, mục tiêu cụ thể đến từng đơn vị, từng bộ phận thực hiện.
- c. Hoàn thiện quy trình quản lý - điều hành theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con
- d. Xây dựng thương hiệu mạnh dựa trên 2 lĩnh vực cốt lõi là Xây dựng công nghiệp - dân dụng và kinh doanh Bất động sản.

+ Công tác thi công xây lắp và sản xuất công nghiệp

- a) Xây dựng bộ máy thi công xây lắp mạnh, ưu tiên tối đa sử dụng lực lượng thi công nội bộ, nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành, thi công lĩnh vực xây lắp, SXCN. Hạn chế thấp nhất sử dụng lực lượng thuê phụ ngoài, nhằm tránh rủi ro có thể phát sinh trong quản lý kinh doanh của Công ty.
- b) Xây dựng và ban hành phương án thi công, phương án tài chính một cách cụ thể ở tất cả các công trình thi công; phương án tổ chức thi công phải chi tiết cụ thể và qui rõ trách nhiệm, quyền hạn đối với cá nhân phụ trách.
- c) Dứt điểm thanh toán, quyết toán các công trình khi đã đưa vào bàn giao, sử dụng.
- d) Quản lý tốt khối lượng, giá trị xây lắp tự làm tại các dự án BĐS do Công ty làm chủ đầu tư.

+ Công tác bộ máy và quản trị nguồn nhân lực

- a. Lập kế hoạch tuyển dụng lao động theo quy định; Ưu tiên lao động có trình độ, kinh nghiệm và bố trí sử dụng lao động hợp lý.
- b. Tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự gọn nhẹ và năng động; Năm 2011 hoàn tất việc chuyển đổi 2 xí nghiệp còn lại và 2 Đội xây lắp trực thuộc thành Công ty TNHH 1 thành viên hoặc 2 thành viên trở lên.
- c. Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm từ các phòng ban nghiệp vụ công ty đến các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên trong việc tổ chức triển khai, tổ chức điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng đơn vị trong toàn hệ thống, tránh điều hành theo cảm tính và chồng chéo trong phân cấp chức năng.
- d. Nhân sự tại các vị trí quản lý điều hành phải được xem xét rất thận trọng trước khi quyết định đề bạt, bổ nhiệm.
- e. Phát huy công tác tổ chức bồi dưỡng, đào tạo Cán bộ nghiệp vụ quản lý - điều hành các cấp quản lý.
- f. Xây dựng văn hóa Công ty về môi trường làm việc thân thiện, điều kiện làm việc thuận lợi để cán bộ, nhân viên nghiệp vụ và lao động trực tiếp phát huy được tốt hơn khả năng của mình trong quá trình công tác. Bên cạnh đó, tăng cường quản lý và tổ chức lao động ở mọi cấp độ, từ đơn vị cơ sở đến cơ quan công ty. Đảm bảo hài hòa các lợi ích giữa người lao động, công ty và cổ đông.

+ Công tác đầu tư và kinh doanh BĐS:

- a) Quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí đầu tư đảm bảo chặt chẽ ở tất cả các dự án đầu tư của Công ty.

- b) Tiếp tục tổ chức triển khai đầu tư dự án Chương Dương home, đảm bảo đúng tiến độ chất lượng dự án.
- c) Trong quý 2/2011 hoàn tất việc đàm phán, hợp tác đầu tư dự án GoldenLand; hồ sơ thủ tục phải đảm bảo tính pháp lý khi tiến hành chuyển nhượng dự án.
- d) Nghiên cứu, tìm kiếm địa điểm khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy Kết cấu thép.
- e) Đổi mới mạnh mẽ công tác kinh doanh BĐS; Đẩy mạnh công tác tiếp thị, mở rộng địa bàn kinh doanh căn hộ Tân Hương, dự án Chương Dương home. Điều chỉnh thiết kế căn hộ (nếu cần thiết) để phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- f) Duy trì và phát huy công tác kinh doanh dịch vụ, tăng cường tiếp thị cho thuê diện tích các sàn còn lại của dự án 225 Bến Chương Dương.

+ Công tác tài chính kế toán:

- a) Đảm bảo cân đối đủ vốn cho sản xuất – kinh doanh; có cơ chế khuyến khích các đơn vị huy động vốn nhàn rỗi; kiểm soát chặt chẽ chi phí, điều hành tài chính theo kế hoạch.
- b) Thành lập tiểu ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ, để phối hợp với Ban kiểm soát Công ty thực hiện công tác kiểm soát hoạt động SXKD trong nội bộ Công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- c) Quản lý chi phí SXKD, chi phí quản lý doanh nghiệp theo kế hoạch, theo dự toán.
- d) Tiến hành giao khoán chi phí cho các BĐH, BQL; Xây dựng hạn mức nợ vay, quản lý nợ phải thu; Cân đối nguồn vốn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động SXKD, chi trả cổ tức, lương thưởng...
- e) Thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong quá trình triển khai dự án.

+ Công tác khác:

- a) Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong điều hành trong toàn Công ty. Các chỉ tiêu kế hoạch giao cho các đơn vị thực hiện là pháp lệnh của Công ty.
- b) Trách nhiệm giám sát hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty cần được duy trì và phát huy hoạt động thường xuyên và đảm bảo hiệu quả.

IV. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

1. Công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký:

Tên công ty: **Tổng Công ty Xây Dựng số 1**

Địa chỉ: 111A Pasteur – Phường Bến Nghé , Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-08) 8.222.059

Fax: (84-08) 8.290.500

Loại hình công ty : Tổng công ty nhà nước

Ngành nghề Kinh Doanh: Xây dựng

Tỷ lệ cổ phần hiện đang nắm giữ tại Chương Dương Corp: 23,76 %

2. Công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát:

✓ Công ty TNHH Thương Mại Chương Dương

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4102046632 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu, ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 18/9/2008.

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-08) 9.203.279

Fax: (84-08) 9.207.205

Loại hình công ty: TNHH

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành công nông nghiệp. Mua bán và cho thuê thiết bị máy thi công ngành xây dựng. Kinh doanh vận tải hàng bằng đường bộ, đường thủy nội địa.

Tỷ lệ cổ phần của Chương Dương Corp hiện đang nắm giữ: 100%

✓ Công ty TNHH Xây Dựng Chương Dương Số 1

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4102046739 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 01 năm 2007.

Địa chỉ: 245C Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-08) 9.207.740

Fax: (84-08) 9.207.740

Loại hình công ty: TNHH

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông (cầu đường, bến cảng). Kinh doanh nhà. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Mua bán vật tư, thiết bị, máy thi công xây lắp ngành xây dựng.

Tỷ lệ cổ phần của Chương Dương Corp hiện đang nắm giữ: 65%

✓ Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thuận Thành Phát

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0301437587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 04 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 11 năm 2009.

Địa chỉ: 33/3 KP8, Đường số 12, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Loại hình công ty: TNHH

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông (cầu đường, bến cảng). Kinh doanh nhà. Mua bán vật tư, thiết bị, máy thi công xây lắp ngành xây dựng. Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Mua bán lắp đặt thiết bị viễn thông. Mua bán hóa chất dùng trong công nghiệp, gỗ tròn, gỗ xẻ. Dịch vụ vui chơi giải trí. Du lịch lữ hành nội địa. Vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Nhà hàng ăn uống. Tổ chức trình diễn ca nhạc, thời trang.

Tỷ lệ cổ phần của Chương Dương Corp. hiện đang nắm giữ: 93.33%

✓ **Công ty TNHH T v n u t x â y d ñ g Ch ñ g D ñ g**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0309869525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần đầu.

Địa chỉ: Lầu 9, 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, Quận 1

Loại hình công ty: TNHH

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan. Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tài chính, kế toán). Xây dựng nhà các loại. Lắp đặt hệ thống điện xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng. Tư vấn đấu thầu. Thẩm tra thiết kế, tổng dự toán. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội, ngoại thất công trình./.

Tỷ lệ cổ phần của Chương Dương Corp hiện đang nắm giữ: 80%

✓ **Công ty TNHH x â y d ñ g Ch ñ g D ñ g Sài g ò n**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0310363370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 10 năm 2010.

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, Quận 1

Loại hình công ty: TNHH 2 thành viên trở lên.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Tỷ lệ cổ phần của Chương Dương Corp hiện đang nắm giữ: 90%

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty

Tổng Giám Đốc

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch. Tổng Giám Đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.

Tổng Giám Đốc là đại diện cho Công ty trước pháp luật.

a. Phòng Kinh tế – Kỹ thuật:

Thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu.

Thực hiện công tác quản lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao khoán.

Xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá làm cơ sở thống nhất quản lý chung của toàn công ty.

Quản lý kỹ thuật thi công, kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

Xây dựng kế hoạch và giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn Công ty theo quy định.

Đại diện chất lượng; kiểm tra giám sát việc thực hiện các mục tiêu và chính sách chất lượng của công ty.

Xây dựng các định mức tiêu hao vật tư cho từng lĩnh vực sản xuất của công ty.

b. Phòng phát triển dự án và quản lý đầu tư:

lập kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của công ty;

Nghiên cứu đề xuất áp dụng các dây chuyền sản xuất mới, sản phẩm mới phù hợp với thị trường. Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và đầu tư mở rộng sản xuất;

Nghiên cứu, đề xuất lập các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh phát triển nhà ở, nhà xưởng ...

Lập và trình duyệt báo cáo tiền khả thi và báo cáo khả thi cho các dự án đầu tư đã được lãnh đạo Công ty xem xét đồng ý;

Theo dõi, giám sát việc khai thác có hiệu quả các dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất;

Giám sát việc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư của các ban quản lý dự án;

Tham gia quyết toán đầu tư, nghiệm thu dự án đưa vào khai thác, sử dụng;

Đánh giá hiệu quả dự án sau đầu tư.

c. Phòng Tổ chức – Hành chính:

Điều hành và quản lý các hoạt động hành chính, nhân sự của toàn công ty

Lập các kế hoạch về chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

Thực hiện chức năng tham mưu cho Ban giám đốc về các hoạt động hành chính, nhân sự, tiền lương và các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động;

Xây dựng nội quy, quy chế về hành chính, nhân sự cho toàn Công ty

Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy chế, chính sách về hành chính, nhân sự phù hợp với thực tế của Công ty, phù hợp với chế độ hiện hành của Nhà nước.

Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ. Quản lý việc sử dụng xe máy, thiết bị, công cụ văn phòng;

Quản lý việc sử dụng nhà xưởng, vật kiến trúc, đất đai thuộc sở hữu của Công ty.

d. Phòng Tài chính – Kế toán:

Quản lý và điều hành các hoạt động tài chính kế toán của Công ty theo Luật kế toán.

Tham mưu cho Ban Giám Đốc về tình hình tài chính và các chiến lược về tài chính.

Lập các báo cáo về tài chính.

Lập các kế hoạch về tài chính; kiểm tra, quản lý kế hoạch thu chi tài chính; kiểm tra sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn.

Chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm kê tài sản theo định kỳ.

Quản lý vốn nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và việc đầu tư của Công ty có hiệu quả.

Các chi nhánh:

Thực hiện kế hoạch sản xuất theo nội dung hợp đồng giao thầu nội bộ hoặc quyết định phân giao nhiệm vụ của Công ty. Đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động theo yêu cầu của Công ty cũng như của khách hàng.

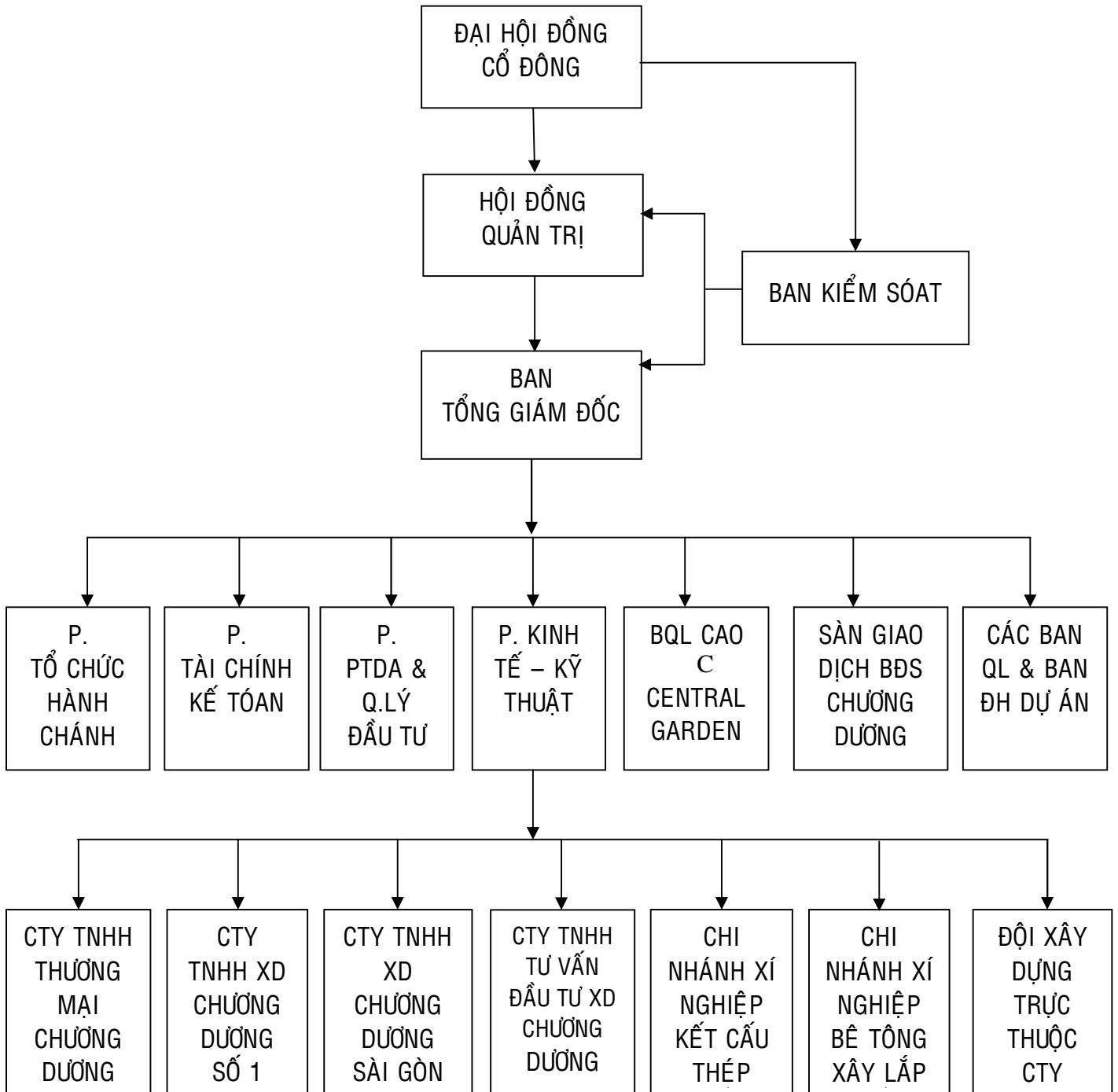
Quản lý, bảo dưỡng duy tu các công trình, nhà xưởng, thiết bị máy móc của đơn vị do Công ty giao cho đơn vị sử dụng;

Thực hiện việc thu hồi vốn các dự án do đơn vị thi công.

Ban Điều Hành, Ban Quản lý các dự án : Thực hiện theo quy chế riêng của từng dự án

Đội trực thuộc Công ty : Thực hiện một phần chức năng ngành nghề của công ty đã được cấp phép.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CHUONG DUONG



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

+ Ban Tổng Giám Đốc – 04 thành viên

2.1 Tổng Giám Đốc: Lê Văn Chính

Họ và tên	Lê Văn Chính
Giới tính	Nam
Năm sinh	8/2/1962
Nơi sinh	Hà Tây
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tây
Địa chỉ liên lạc	1041/78 Trần Xuân Soạn , P. Tân Hưng, Q7,TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	80,241 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.64 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
- Từ tháng 9/1985 đến tháng 4/1986	Công tác tại Công ty XD thủy điện Sông Đà – Hòa Bình
- Từ tháng 5/1986 đến 02/2009	Công tác tại Xí nghiệp Lắp máy Tổng Công ty XD số 1 – sau chuyển là Công ty Xây lắp và hiện tại là Công ty Cổ Phần Chương Dương
- Từ 03/2009 đến nay	Tổng giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay	Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

2.2 Phó Tổng giám đốc: Nguyễn Hoài Nam

Họ và tên	Nguyễn Hoài Nam
Giới tính	Nam
Năm sinh	30/12/1962
Nơi Sinh	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tĩnh
Địa chỉ liên lạc	266/2B Bùi Đình Túy, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	59,956 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.48% vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
- Từ tháng 3/1987 đến 04/2005	Công tác tại Xí nghiệp Lắp máy Tổng Công ty XD số 1 – sau chuyển là Công ty Xây lắp và hiện tại là Công ty Cổ Phần Chương Dương
- Từ tháng 05/2005 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

2.3 Phó Tổng giám đốc: Văn Minh Hoàng: Xem phần dưới. Phó chủ tịch HĐQT

2.4 Phó Tổng giám đốc: Thái Văn Thọ : Xem phần dưới thành viên HĐQT

2.5 Kế toán trưởng: Văn Minh Hoàng: Xem phần dưới. Phó chủ tịch HĐQT

+ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

* Số lượng người lao động trong công ty và cơ cấu lao động

Tổng số lao động trong Công ty tính đến 30/12/2010 là 747 người, trong đó:

- ❖ Phân theo đối tượng lao động:
 - Lao động trực tiếp: 629 người.
 - Lao động gián tiếp: 118 người.
- ❖ Phân theo trình độ lao động:
 - Trình độ trên đại học: 02 người.
 - Trình độ đại học: 90 người.
 - Trình độ trung cấp và cao đẳng: 32 người
 - Trình độ sơ cấp và lao động phổ thông: 623 người

1.3. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ như đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được bảo đảm về việc làm, được trả lương theo năng lực.

VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

+ Hội đồng quản trị

1.1. Chủ tịch HĐQT: Trần Mai Cường

Họ và tên	Trần Mai Cường
Giới tính	Nam
Năm sinh	2/6/1967
Nơi sinh	Hà nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nam
Địa chỉ liên lạc	3G14 Trần Não, P.Bình An, Q.2, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	- Đại diện phần vốn nhà nước: 2.962.487 cổ phần chiếm tỷ lệ 23.76% vốn điều lệ - Sở hữu cá nhân: 336,995 cổ phần chiếm 2.7% vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ tháng 4/1985 đến tháng 6/1997	Ngân hàng nông nghiệp Hà Tiên
- Từ tháng 6/1997 đến tháng 12/1998	Công ty Lắp máy và XD 18 (LILAMA)
- Từ tháng 1/1999 đến tháng 6/1999	Tổng Công ty Xây Dựng số 1
- Từ tháng 7/1999 đến 2/2006	Công ty Xây Lắp (Nay là Công ty Cổ Phần Chương Dương)
- Từ 3/2006 đến nay	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Thù lao và các khoản lợi ích:	Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).(*)
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ	Không

Ghi chú: Thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2006

1.2. Phó Chủ tịch HĐQT: Văn Minh Hoàng

Họ và tên	Văn Minh Hoàng
Giới tính	Nam
Năm sinh	3/5/1964
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Nam
Địa chỉ liên lạc:	233 Bàu Cát , P.12 ,Q.Tân Bình, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	322,607 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,58% vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ năm 1988 đến năm 1991	Công tác tại Xí nghiệp Nguyên liệu thuốc lá Miền Đông
- Từ năm 1991 đến năm 1996	Công tác tại Công ty Nguyên liệu thuốc lá Miền Nam – TCT thuốc lá Việt Nam
- Từ năm 1996 đến 2/2006	Công tác tại Công ty Xây lắp, nay là (Công ty Cổ Phần Chương Dương)
- Từ 3/2006 đến 2/2009	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
- Từ 3/2009 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc
- Từ 2/2011 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc – Kế toán trưởng
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và BKS được hưởng: 3% lợi nhuận sau

	thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

1.3. Thành viên HĐQT: Nguyễn Văn Đạt

Họ và tên	Nguyễn Văn Đạt
Giới tính	Nam
Năm sinh	28/6/1956
Nơi sinh	Hà Tây
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Tây
Địa chỉ liên lạc	289/C3 Đường Nơ Trang Long, Q.Bình Thạnh , TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	213,322 cổ phần chiếm tỷ lệ 1.7 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Xây Dựng
Quá trình công tác	
Từ tháng 10/1976 đến tháng 2/1977	Công tác tại trường Trung Hà Tây
Từ tháng 3/1977 đến tháng 1/1981	Công tác tại trường TH Xây Dựng số 6 – Phú Khánh
Từ tháng 2/1981 đến tháng 3/1984	Học tại Trường Đại học kiến trúc TP.HCM
Từ tháng 4/1984 đến tháng 11/1999	Công tác tại Tổng Công Ty XD số 1
Từ tháng 12/1999 đến 11/2003	Công tác tại Công ty Xây lắp, nay là (Công ty Cổ Phần Chương Dương)
Từ tháng 12/2003 đến nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Cao Thị Ngọc Liên – (Vợ) Số cổ phần nắm giữ 1,640 cổ phần

1.4. Thành viên HĐQT: Đặng Trung Chính

Họ và tên	Đặng Trung Chính
Giới tính	Nam
Năm sinh	22/7/1960
Nơi sinh	Ninh Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ninh Bình
Địa chỉ liên lạc	54/4 Yên Đổ, P.1, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	90,980 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.72 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Cơ Khí
Quá trình công tác	
Từ tháng 3/1985 đến tháng 9/1985	Công tác tại xí nghiệp bê tông cốt thép – Tổng Cty XD số 1
Từ tháng 10/1985 đến 11/2003	Công tác tại Xí nghiệp Lắp máy Tổng Công ty XD số 1 – sau chuyển là Công ty Xây lắp và hiện tại là Công ty Cổ Phần Chương Dương
Từ tháng 12/2003 đến nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – kiêm Giám đốc BQL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Tạ Thanh Hiền – (Vợ) Số cổ phần nắm giữ 5,367 cổ phần

1.5 Thành viên HĐQT: Thái Văn Thọ

Họ và tên	THÁI VĂN THỌ
Giới tính	Nam
Năm sinh	17/02/1969
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ liên lạc	80/8/11A Đường số 12, P.11, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.38367734
Trình độ văn hóa	12/12
Số cổ phiếu nắm giữ:	26,288 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.21 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
- Từ tháng 9/1995 đến 02/2009	Công tác tại Công ty Xây lắp, nay là Công ty Cổ Phần Chương Dương
- Từ tháng 03/2009 đến nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc Công Ty kiêm Giám Đốc Xí nghiệp Kết Cấu Thép
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Nguyễn Hoàng Phương Trang – (Vợ) Số cổ phần nắm giữ 12,527 cổ phần.

VII. BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban Kiểm Soát: Phạm Hữu Hòa

Họ và tên	Phạm Hữu Hòa
Giới tính	Nam
Năm sinh	9/1/1955
Nơi sinh	Bà Rịa Vũng Tàu
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bà Rịa Vũng Tàu
Địa chỉ liên lạc	285 Điện Biên Phủ, P.7, Q.3, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.8367734
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	62,738 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.50 % vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế , Kỹ sư điện
Quá trình công tác	
- Từ tháng 8/1976 đến tháng 4/1979	Công tác tại Công ty Xây Dựng số 8 , nay là Tổng Công ty Xây Dựng số 1
- Từ tháng 5/1979 đến 02/2006	Công tác tại Xí nghiệp Lắp máy Tổng Công ty XD số 1 – sau chuyển là Công ty Xây lắp và hiện tại là Công ty Cổ Phần Chương Dương
- Từ 03/2006 đến nay	Trưởng Ban Kiểm Soát
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng Ban Kiểm Soát
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

2. Thành viên Ban Kiểm Soát: Phạm Văn Hội

Họ và tên	PHẠM VĂN HỘI
Giới tính	Nam
Năm sinh	16/02/1971
Nơi sinh	Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hải Dương
Địa chỉ liên lạc	71 Đường 475, Phường Phước long B, Quận 9, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.38367734
Trình độ văn hóa	12/12
Số cổ phiếu nắm giữ:	20,939 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.16 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ tháng 10/1992 đến 02/2009	Công tác tại Công ty Xây lắp, nay là Công ty Cổ Phần Chương Dương
- Từ 03/2009 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Ban Kiểm Soát

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

3. Thành viên Ban Kiểm Soát: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Họ và tên	Nguyễn Thị Ngọc Dung
Giới tính	Nữ
Năm sinh	5/6/1967
Nơi sinh	TP.HCM
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Long An
Địa chỉ liên lạc	631 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP.HCM
Số điện thoại cơ quan	08.5122873
Trình độ văn hóa	10/10
Số cổ phiếu nắm giữ:	7,800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.06 % vốn điều lệ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ năm 1992 đến nay	Công tác tại Tổng Công ty Xây Dựng Số 1
03/2006 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Ban Kiểm Soát
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Thù lao và các khoản lợi ích	- Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng: 3% lợi nhuận sau thuế, trả theo hàng năm (có thể tạm ứng hàng tháng).
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Cổ phần những người liên quan đang nắm giữ	Không

*Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (không có)

II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số 062010/NQ-HĐQT-CDC	Ngày 16/01/2010	Họp thường kỳ Quý 1
02	Số 30/2010/NQ-HĐQT-CDC	Ngày 03/04/2010	Họp thường kỳ Quý 2
03	Số 45/2010/NQ-HĐQT-CDC	Ngày 07/05/2010	NQ Đại hội cổ đông
04	Số 64/2010/NQ-HĐQT-CDC	Ngày 10/07/2010	Họp thường kỳ Quý 3
05	Số 94/2010/NQ-HĐQT-CDC	Ngày 12/10/2010	Họp thường kỳ Quý 4

* Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: (không có)

* Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:

- Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Nguyễn Văn Đạt	Thành Viên HĐQT	263.322 cp	2.11%	213.322 cp	1.71 %	Bán
02	Công ty Tài chính TNHH MTV Cao Su Việt Nam	Cổ đông lớn	1.995.910 cp	16.01 %	2.438.720 cp	19.56 %	Mua

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Hoạt động thường kỳ 1 quý 1 lần kiểm soát báo cáo tài chính Công ty.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

1.4. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/04/2011

Thành phần	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	2.962.976	23.76	1
Cổ đông bên trong	2.371.487	19	131
- Hội đồng quản trị	1.043.888	8.4	5
- Ban kiểm soát	91.477	0.7	3
- Ban Giám đốc	489.089	3.9	4
- CBCNV	747.042	6.00	119
Cổ đông bên ngoài			
- Trong nước	7.048.592	56.54	1071
- Nước ngoài	82.660	0.7	22
Tổng cộng	12.465.715	100	1225

Nguồn: Theo số liệu của công ty cung cấp

1.5. Cổ đông góp vốn trên 5% :

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Tổng Công Ty Xây Dựng số 1	111A Pasteur , P.Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh	2.962.976	23.76 %
2	Công ty TNHH 1 thành viên Tài chính Cao su Việt Nam	210 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.Hồ Chí Minh	2.438.720	19.56 %
Tổng cộng			5.401.696	43,32 %

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

ĐVT: đồng

Tên cổ đông	Quốc tịch	Cổ phần chiếm giữ	Thành tiền
Tổng Công Ty Xây Dựng số 1	Việt nam	1.101.600	11.016.000.000
Trần Mai Cường	Việt Nam	167.611	1.676.110.000
Nguyễn Văn Đạt	Việt Nam	137.960	1.379.600.000
Nguyễn Xuân Giao	Việt Nam	19.507	195.070.000
Đặng Trung Chính	Việt Nam	46.251	462.510.000
Cổ đông khác(*)	Việt Nam	2.127.071	21.270.710.000
Tổng cộng		3.600.000	36.000.000.000

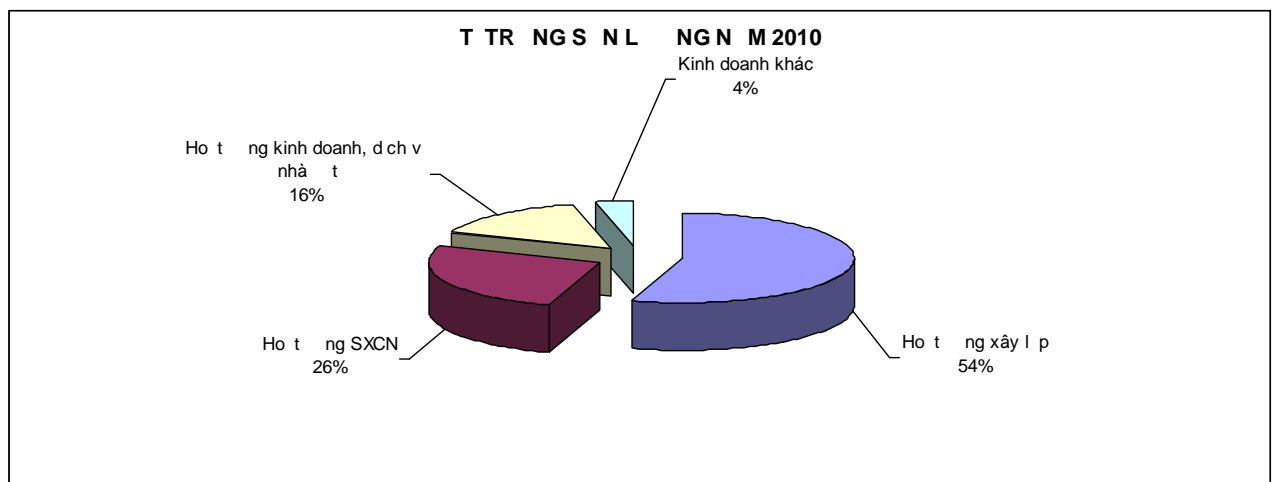
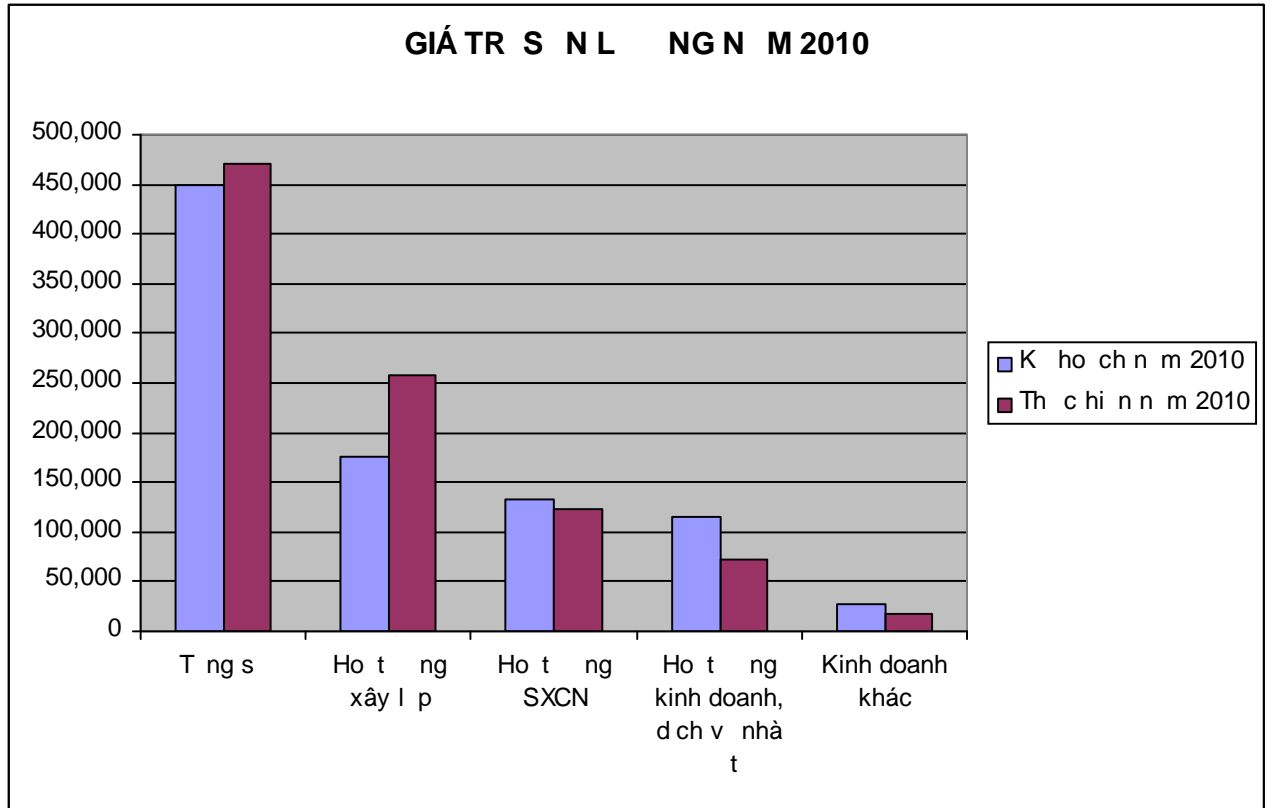
2.3. Cổ đông góp vốn nước ngoài (chốt 8/4/2011)

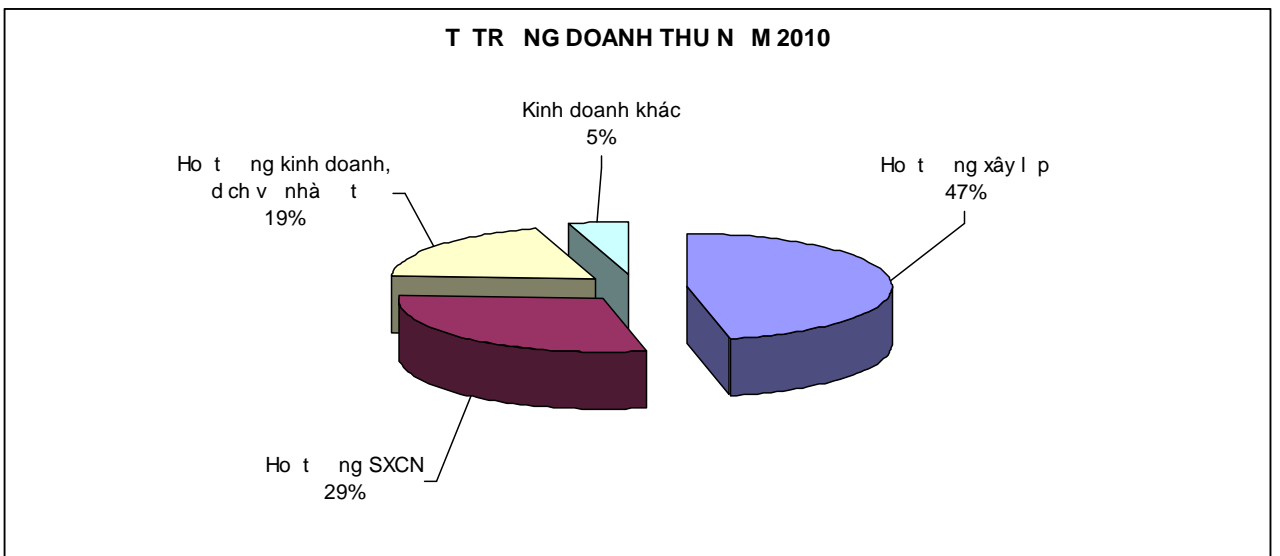
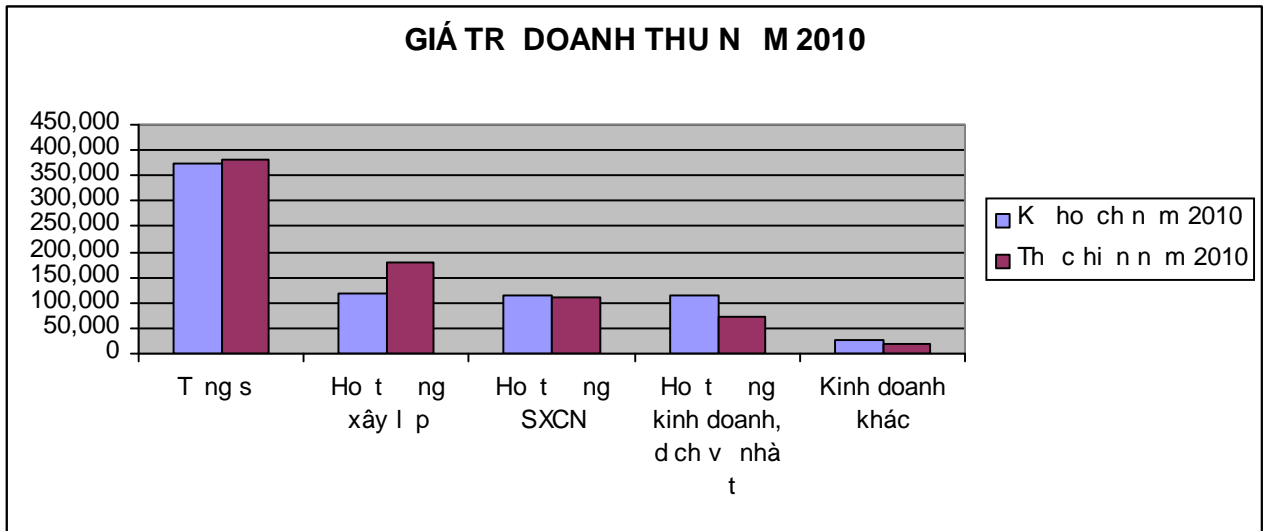
Đvt: đồng

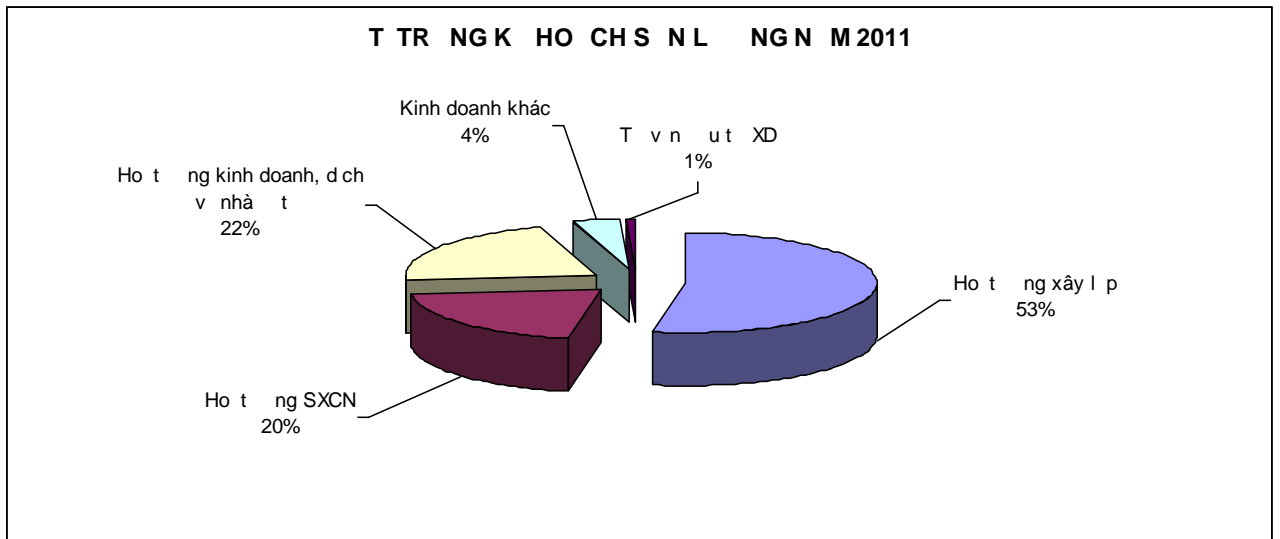
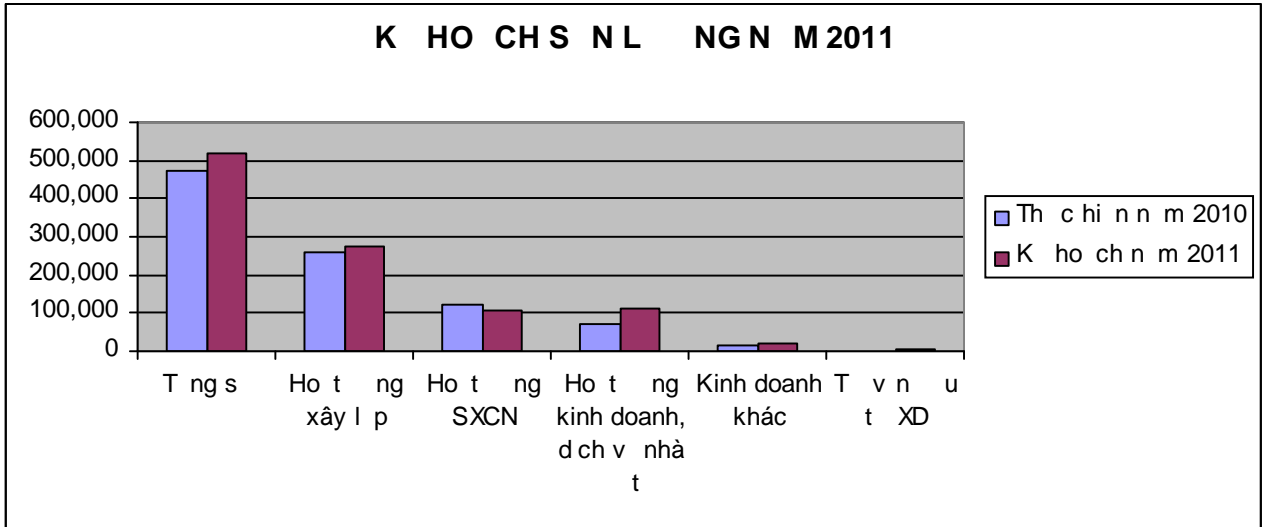
Tên cổ đông	Quốc tịch	Cổ phần chiếm giữ	Thành tiền
HUANG HSI-FU	Taiwan	80	800,000
Hironobu Maeda	Japan	320	3,200,000
Machida Kyoichi	Japan	13000	130,000,000,
Momose Nobuharu	Japan	800	8,000,000
NAGATA YOSHIO	Japan	165	1,650,000
NUMOTO MICHITAKA	Japan	960	9,600,000
NUMOTO TOKUYO	Japan	1200	12,000,000
Nakata Tamotsu	Japan	20	200,000
Ohkura Toshimoto	Japan	16000	160,000
SEKIMOTO TAKASHI	Japan	1580	15,800,000
Sawada Kimiko	Japan	1600	16,000,000
Shinichi Sano	Japan	1120	11,200,000
Sonokawa Manabu	Japan	80	800,000
TAKAHASHI YOSHIYASU	Japan	1520	15,200,000
Tansho Hiroe	Japan	1000	10,000,000
WATANABE KAZUO	Japan	18400	184,000,000
YASUHIRO HORITA	Japan	1600	16,000,000
YOSHIMATSU TOYOKO	Japan	165	1,650,000
Yutaka Noda	Japan	280	2,800,000
CREDIT SUISSE (HONG KONG) LTD	Hong Kong	18850	188,500,000
IWAI SECURITIES CO., LTD	Japan	3900	39,000,000

NEW-S SECURITIES CO., LTD.	Japan	20	200,000

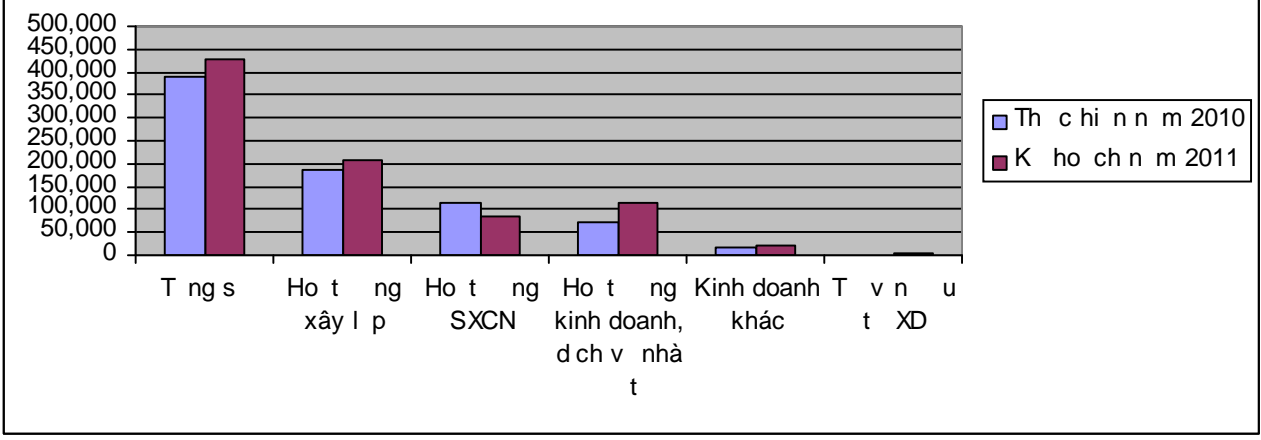
VIII. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



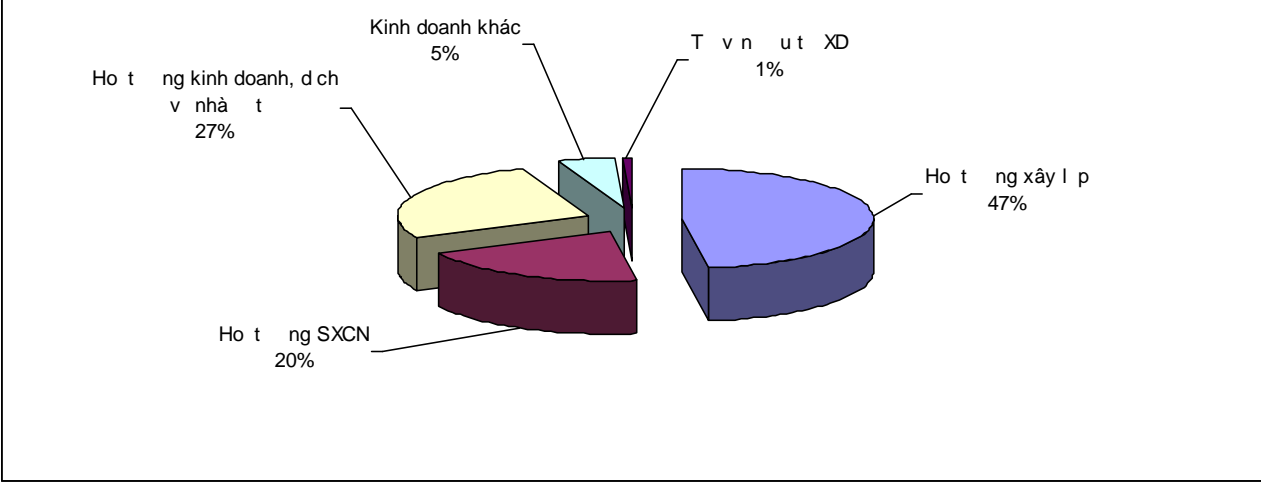




K HO CH DOANH THU N M 2011

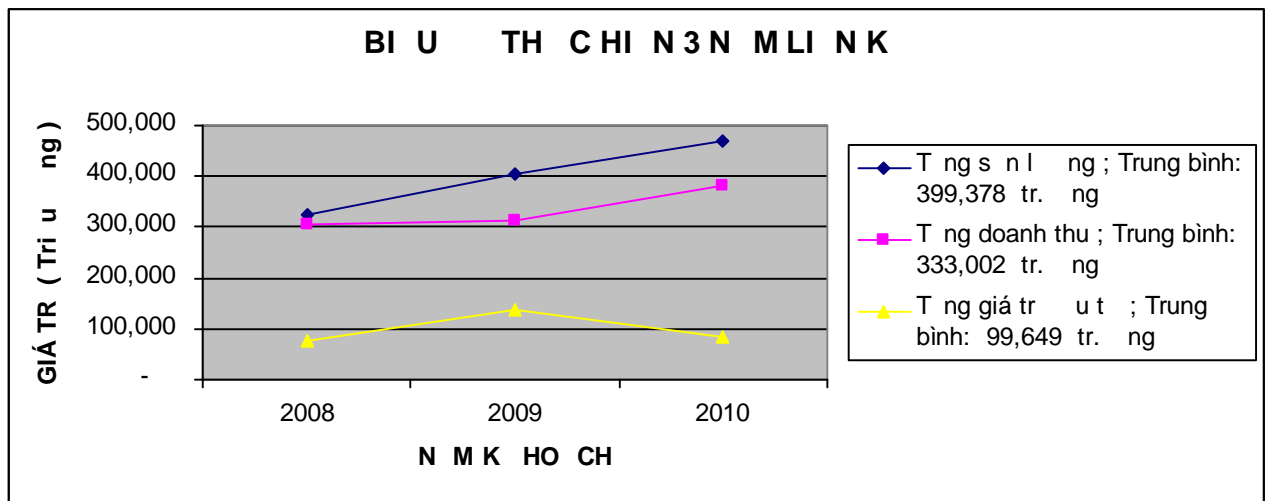


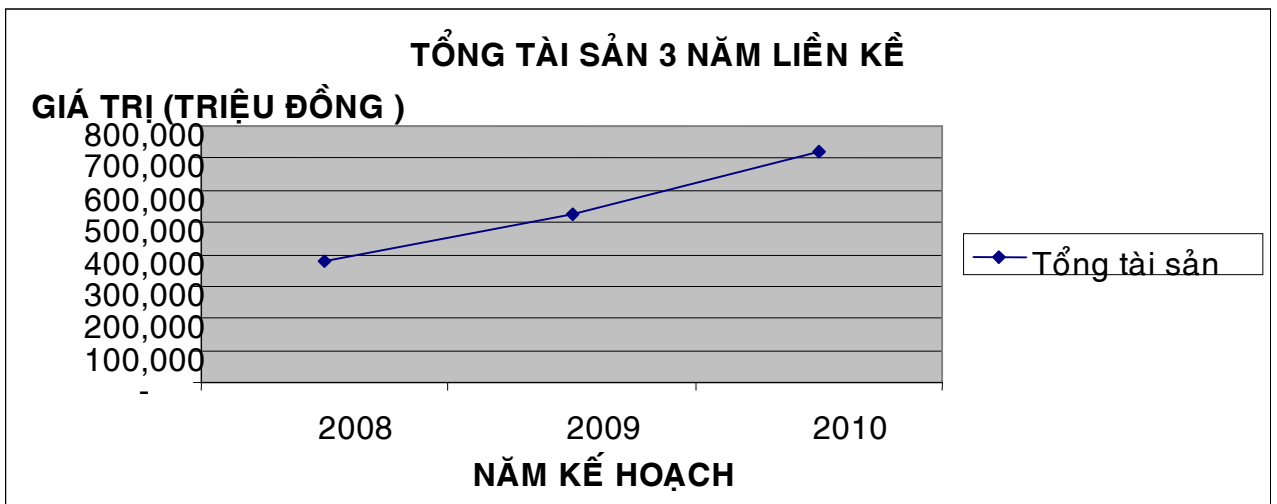
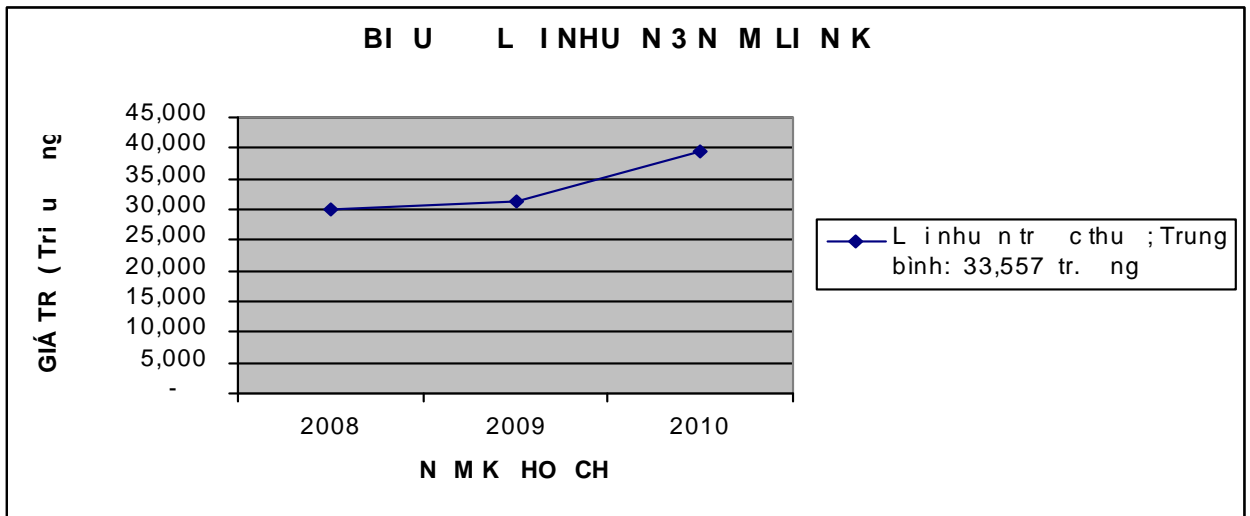
T TR NG K HO CH DOANH THU N M 2011



BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH 2008-2010

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN		
			2008	2009	2010
1	Tổng sản lượng	tr.đồng	324,041	403,589	470,503
2	Tổng doanh thu	tr.đồng	304,312	312,288	382,407
3	Tổng giá trị đầu tư	tr.đồng	74,765	138,870	85,312
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	29,936	31,327	38,720
5	Tổng tài sản	tr.đồng	377,191	524,741	722,782





KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2010	T/HIỆN NĂM 2010	Tỷ lệ TH 2010/KH2010
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	Tr. đồng	450,000	470,503	104.56%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	175,000	257,720	147.27%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	133,500	122,152	91.50%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	115,000	72,998	63.48%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	26,500	17,633	66.54%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng			
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	Tr. đồng	372,500	382,407	102.66%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	116,800	178,095	152.48%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	114,200	112,382	98.41%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	115,000	73,565	63.97%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	26,500	18,365	69.30%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng			
III	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN				
1	Gia công kết cấu thép	tấn	3,000	1,863	62.11%
2	Bê tông các loại	m3	50,000	42,684	85.37%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Tr. đồng	186,385	85,312	45.77%
1	Đầu tư dự án	Tr.đ	173,481	81,657	47.07%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tr.đ	12,904	3,655	28.32%
V	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr. đồng			
1	Thuế VAT phải nộp	Tr.đ	12,300	16,470	133.9%
2	Thuế TNDN	Tr.đ	10,000	9,861	98.61%
2	Các loại thuế khác	Tr.đ	600	414	69.0%
VI	LỢI NHUẬN				
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	40,000	38,720	96.68%
2	Thuế TNDN	Tr. đồng	10,000	9,861	98.61%
3	Tỷ suất LN/DT	%	10.74	10.12	94.23%
4	Tỷ suất LN/vốn điều lệ	%	32.08	31.06	96.82
5	Cổ tức	%	20	30	150.00%

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2011

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2011	TỶ LỆ KH2011 / TH NĂM 2010
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	Tr. đồng	520,000	110.52%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	275,000	106.70%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	106,000	86.78%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	114,000	156.17%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	20,000	113.42%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng	5,000	
II	GIÁ TRỊ DOANH THU	Tr. đồng	430,000	112.45%
1	Giá trị sản xuất xây lắp	Tr. đồng	206,000	115.67%
2	Giá trị SX CN.VLXD	Tr. đồng	86,000	76.52%
3	Giá trị kinh doanh, dịch vụ Bất động sản	Tr. đồng	114,000	154.97%
4	Giá trị kinh doanh khác	Tr. đồng	20,000	108.90%
5	Giá trị tư vấn đầu tư	Tr. đồng	4,000	
III	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN			
1	Gia công kết cấu thép	tấn	2,500	134.17%
2	Bê tông các loại	m3	40,600	95.12%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Tr. đồng	131,212	153.80%
1	Đầu tư dự án	Tr.đ	131,212	160.69%
2	Đầu tư máy móc thiết bị	Tr.đ		
V	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr. đồng		
1	Thuế VAT phải nộp	Tr.đ	18,600	112.9%
2	Thuế TNDN	Tr.đ	10,500	104.7%
2	Các loại thuế khác	Tr.đ	600	144.9%
VI	LỢI NHUẬN			
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	42,000	106.57%
2	Thuế TNDN	Tr. đồng	10,500	106.58%
3	Tỷ suất LN/DT	%	9.77	94.78%
4	Tỷ suất LN/vốn	%	33.69	106.58%
5	Cổ tức	%	18	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2011

STT	Danh mục dự án đầu tư	Mức đầu tư dự kiến	KH năm 2010	TH năm 2010	KH năm 2011	Tỷ lệ TH 2010/ KH 2010
A	ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC	2,562,456	173,481	81,657	131,212	47%
1	<u>Dự án chuyển tiếp</u>	2,350,663	173,481	81,568	131,212	47%
1.1	Dự án 225 Bến Chương Dương (Lô B)-hoàn công và cấp sổ hồng căn hộ	864		130	734	
1.2	Dự án Khu dân cư sân vận động Long An (Khu B)	15,165	3,806	3,062	-	80%
	<i>Giai đoạn I</i>	<i>15,036</i>	<i>3,806</i>	<i>2,932</i>	-	<i>77%</i>
	<i>Giai đoạn II</i>	<i>129</i>		<i>129</i>	-	
1.3	DA Chung cư cao tầng Tân Hương - Chương Dương Garden	389,450	93,286	56,741	55,478	61%
1.4	DA Chương Dương Golden Land	877,854	10,090	2,189	5,000	22%
1.5	DA Nhà ở Thu Nhập Thấp - Chương Dương Home	1,067,330	66,299	19,446	70,000	29%
2	<u>Dự án đầu tư mới</u>	211,793	-	89	-	
2.1	Dự án Khu Dân cư Bình Dương	211,793		89		
B	ĐẦU TƯ MMTB NÂNG CAO NLSX	21,176	12,904	3,656	-	28%
1	<u>Hoàn thành</u>	5,476	204	3,656	-	
1.1	CT Thủy điện Đồng Nai 4	2,026	204	206	-	101%
a	Thiết bị bổ sung cho phòng thí nghiệm vật liệu bê tông-HĐ 238-09/CD-T	43	43	43		100%
b	Máy bơm bê tông HBT70A-1818RS	1,458	146	146		100%
c	Xe xúc lật	525	15	17		110%
1.2	Văn phòng Công ty	3,450	-	3,450	-	
a	Cải tạo tầng 10	1,450		1,352		
b	Xe ô tô	2,000		2,098		

STT	Danh mục dự án đầu tư	Mức đầu tư dự kiến	KH năm 2010	TH năm 2010	KH năm 2011	Tỷ lệ TH 2010/ KH 2010
2	<i>Đầu tư mới</i>	15,700	12,700	-	-	-
2.1	Dự án Chương Dương Garden	13,000	10,000	-	-	
a	Vận thăng	4,800	4,800			
b	Cầu tháp	5,200	5,200			
c	Thiết bị thi công khác	3,000				
2.2	Xí nghiệp Kết Cấu Thép	700	700	-	-	
a	Cải tạo văn phòng và cổng	700	700			
2.3	Phương tiện vận tải	2,000	2,000			
	TỔNG CỘNG	2,583,632	186,385	85,313	131,212	46%

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Chương Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 3 năm 2010.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CON

Trong năm tài chính 2010, công ty có 5 công ty con sau đây:

- 1/ Công ty TNHH Chương Dương số 1
- 2/ Công ty TNHH TM Chương Dương
- 3/ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương
- 4/ Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát
- 5/ Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty có 1 công ty liên kết là công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Trong năm 2010, công ty này tạm ngừng hoạt động.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty là: 28,859,115,491 đ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Mai Cường Chủ tịch
2. Ông Văn Minh Hoàng Phó chủ tịch
3. Ông Đặng Trung Chính Thành viên
4. Ông Thái Văn Thọ Thành viên
5. Ông Nguyễn Văn Đạt Thành viên

Ban Giám đốc

1. Ông Lê Văn Chính Tổng giám đốc
2. Ông Thái Văn Thọ Phó Tổng giám đốc
3. Ông Văn Minh Hoàng Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Hoài Nam Phó Tổng giám đốc

Ban kiểm soát và kế toán trưởng

1. Ông Lê Hữu Hòa Trưởng ban
2. Ông Phạm Văn Hợi Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung Thành viên
4. Ông Văn Minh Hoàng Kế toán trưởng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của nhóm công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Thay mặt Ban giám đốc



LÊ VĂN CHÍNH
Tổng giám đốc

American Auditing

Số: 20110331001

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Kính gửi: Ban Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31/03/2011 và được trình bày từ trang 4 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Chứng Chỉ KTV số 0357/KTV

Nguyễn Phương Lan Anh

Kiểm toán viên

Chứng Chỉ KTV số 0673/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639,113,751,454	424,776,655,164
I. Tiền và các khoản đương đương tiền	110	V.1	25,339,546,966	39,055,954,264
1. Tiền	111		24,739,546,966	36,755,954,264
2. Các khoản tương đương tiền	112		600,000,000	2,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,313,229,600	12,941,279,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26,134,478,209	14,031,316,291
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,821,248,609)	(1,090,037,291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	263,848,376,733	220,490,777,647
1. Phải thu khách hàng	131		242,696,654,823	138,564,878,911
2. Trả trước cho người bán	132		30,090,918,383	90,836,414,723
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		25,000,000	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2,569,242,311	1,792,294,711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11,533,438,784)	(10,702,810,698)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	309,505,437,025	140,649,200,778
1. Hàng tồn kho	141		309,505,437,025	140,649,200,778
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,107,161,130	11,639,443,475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16,476,199	53,951,245
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		69,534,397	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,021,150,534	11,585,492,230
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83,668,629,832	88,693,122,641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,810,461,776	29,925,419,964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	24,813,599,318	26,694,215,110
<i>Nguyên giá</i>	222		60,227,616,390	58,654,393,261
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35,414,017,072)	(31,960,178,151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2,996,862,458	3,231,204,854
<i>Nguyên giá</i>	228		4,686,848,000	4,686,848,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,689,985,542)	(1,455,643,146)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.6	48,531,749,023	44,342,622,737
<i>Nguyên giá</i>	241		52,257,110,810	46,633,928,942
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3,725,361,787)	(2,291,306,205)

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,093,152,646	5,403,931,285
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		593,152,646	903,931,285
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	4,500,000,000	4,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,233,266,387	9,021,148,655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1,985,316,927	8,957,490,655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		247,949,460	63,658,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		722,782,381,286	513,469,777,805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		476,373,252,864	363,389,318,615
I. Nợ ngắn hạn	310		417,547,375,962	348,891,693,214
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	151,190,950,285	122,459,859,997
2. Phải trả người bán	312	V.10	154,160,909,847	67,168,538,707
3. Người mua trả tiền trước	313		11,941,275,341	14,669,804,091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	28,503,757,494	54,943,177,421
5. Phải trả người lao động	315		5,961,003,869	4,516,333,418
6. Chi phí phải trả	316	V.12	36,434,489,733	61,071,135,502
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	26,875,066,685	21,245,566,478
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,479,922,708	2,817,277,600
II. Nợ dài hạn	330		58,825,876,902	14,497,625,401
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6,992,818,214	5,952,955,946
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	51,742,119,000	8,544,669,455
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		90,939,688	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246,409,128,423	149,845,632,739
I. Vốn chủ sở hữu	410		246,240,173,814	149,845,632,739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	124,657,150,000	64,657,150,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77,142,009,600	48,476,809,600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13,480,100,370	11,556,782,318
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,407,948,206	4,034,149,598
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25,552,965,638	21,120,741,223
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		168,954,609	234,826,451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		722,782,381,286	513,469,777,805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :			
USD			
EUR			
BATH			
HKD JPY			
NDT			
MACAU			
CAD			
REAL			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Đơn vị tính: VND					
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382,406,853,967	311,981,464,018
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		382,406,853,967	311,981,464,018
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	319,577,889,128	269,526,983,146
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62,828,964,839	42,454,480,872
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,558,691,646	2,477,367,053
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	12,878,384,887	4,067,771,827
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>11,409,704,764</i>	<i>3,407,893,478</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		671,843,347	848,954,220
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,168,498,406	9,560,625,819
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38,668,929,845	30,454,496,059
11.	Thu nhập khác	31		889,443,705	2,302,825,264
12.	Chi phí khác	32		838,034,882	1,034,167,676
13.	Lợi nhuận khác	40		51,408,823	1,268,657,588
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		(182,106,200)	(396,068,715)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		38,720,338,668	31,723,153,647
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.5	9,861,223,177	9,478,726,313
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		28,859,115,491	22,244,427,334
18.1	<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>(68,041,404)</i>	<i>(370,532,295)</i>
18.2	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty</i>			<u><i>28,927,156,896</i></u>	<u><i>22,218,890,914</i></u>
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.6	<u>2.572</u>	<u>3.444</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38,720,338,668	31,327,084,932
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,674,511,500	5,521,129,107
- Các khoản dự phòng	03		1,191,261,121	3,028,660,401
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		26,908,967	(1,432,037,499)
- Chi phí lãi vay	06		(11,409,704,764)	3,407,893,478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		34,203,315,492	41,852,730,419
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		30,437,883,698	(88,855,354,421)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(53,498,064,040)	(53,642,666,111)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		(70,149,711,795)	39,110,204,710
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		7,009,648,774	(812,211,522)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11,409,704,764)	(8,879,406,412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,275,712,688)	(5,019,199,285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16,516,114	2,425,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(312,736,708)	(1,327,256,670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71,978,565,917)	(77,570,734,292)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		(7,793,104,683)	(2,859,186,099)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		-	57,142,857
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12,451,500,000)	(29,119,974,574)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		348,338,082	45,392,578,507
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(127,108,631,826)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,000,000	2,401,979,435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(147,003,898,427)	15,872,540,126
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		208,908,567,568	1,228,900,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		284,101,349,607	205,209,198,518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275,292,809,774)	(130,266,631,961)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12,465,715,000)	(3,868,629,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		205,251,392,401	72,302,837,557
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13,716,407,298)	10,604,643,391
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39,055,954,264	28,451,310,873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		25,339,546,966	39,055,954,264



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần Chương Dương (công ty mẹ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh :

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

3. Tổng số các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc: 6.

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0. Đơn

vị hạch toán phụ thuộc được hợp nhất: 0. Công ty liên

kết được hợp nhất: 1.

4. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Chương Dương số 1	245C Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	67%	67%
Công ty TNHH TM Chương Dương	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	89%	89%
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát	Số 33/3 Đường 12, phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	88%	88%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Công ty liên kết mà công ty mẹ áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty CP Tháp Nam Việt	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40,86%	40,86%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính, kỳ tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của từng đơn vị trong tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Quyền sử dụng đất	20

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh V.15.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1-3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính

giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trong việc hợp nhất báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và chỉ được tính vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn thanh lý khoản đầu tư thuần này.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cuối kỳ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	9,182,591,480	5,369,942,428
- Tiền gửi ngân hàng	15,556,955,486	31,386,011,836
- Các khoản tương đương tiền	600,000,000	2,300,000,000
Cộng	25,339,546,966	39,055,954,264

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Phụ lục 1

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	2,569,242,311	1,792,294,711
Cộng	2,569,242,311	1,792,294,711

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3,097,246,625	9,639,295,576
- Công cụ, dụng cụ	1,000,409,154	1,021,090,071
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	303,649,641,404	129,891,401,156
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	1,758,139,842	97,413,975
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	309,505,437,025	140,649,200,778

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố các khoản nợ vay

-

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

-

4. Tài sản cố định hữu hình

Phụ lục 2

5. Tài sản cố định vô hình

Phụ lục 4

6. Bất động sản đầu tư

Phụ lục 5

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Phụ lục 6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	
- Công cụ, dụng cụ	1,865,316,927	3,608,205,654
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	120,000,000	160,000,000
- Chi phí lãi vay	-	5,189,285,001
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
Cộng	1,985,316,927	8,957,490,655

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	34,479,743,618	<u>25,056,904,179</u>
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 (2)	10,000,000,000	-
- Công ty Tài Chính Cao Su	-	80,000,000,000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	34,471,219,693	10,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (4)	70,000,000,000	4,490,375,818
- Ngân hàng SHB	2,188,386,974	-
- Vay dài hạn nên hạn trái	51,600,000	2,912,580,000
Cong	151,190,950,285	122,459,859,997

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,41%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp. Tài sản thế chấp là BĐS tại địa chỉ số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng..

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng mở tại Ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng. Tài sản thế chấp là 02 BĐS tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT	9,664,586,385	37,349,582,849
- Thuế tiêu thụ nội biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,167,504,296	16,581,993,807
- Thuế thu nhập cá nhân	385,713,542	817,038,557
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	285,953,271	194,562,208
Cộng	28,503,757,494	54,943,177,421

11. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí phải trả nhà thầu về xây dựng công trình	36,434,489,733	61,071,135,502
Cộng	36,434,489,733	61,071,135,502

12. Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2,807,933	11,154,433
- Kinh phí công đoàn	1,312,571,980	1,054,484,820
- Bảo hiểm xã hội	260,596,033	297,837,725
- Bảo hiểm y tế	27,936,458	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25,271,154,281	19,882,089,500
Cộng	26,875,066,685	21,245,566,478

13. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
a- Vay dài hạn	51,742,119,000	8,544,669,455
<i>Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)</i>	-	5,985,950,455
<i>Công ty Tài Chính Cao Su (2)</i>	50,000,000,000	-
<i>Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (3)</i>	1,683,119,000	2,448,119,000
<i>Ngân hàng VID Public (4)</i>	59,000,000	110,600,000
b- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	51,742,119,000	8,544,669,455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(1) Vay ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng số 0018/TD1/06CD ngày 17 tháng 04 năm 2006, mục đích đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 7 năm, lãi suất 1 %/ tháng, thời hạn thanh toán theo từng kỳ 3 tháng.

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng, mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,41%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay ngân hàng VID Public theo hợp đồng HCM/CL/08/053 ngày tháng năm với lãi suất 1,42%/tháng, mục đích mua xe con phục vụ thi công. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 48 tháng, lãi được trả hàng tháng.

14. Vốn chủ sở hữu

a- Vốn chủ sở hữu

Phụ lục 7

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	29,629,760,000	18,518,600,000
- Vốn góp của đối tượng khác	95,027,390,000	46,138,550,000
Cộng	124,657,150,000	64,657,150,000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	64,657,150,000	36,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	60,000,000,000	28,657,150,000
- Vốn góp cuối năm	124,657,150,000	64,657,150,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,931,075,000	3,868,629,000
- Chia bằng cổ phiếu	6,465,360,000	
- Chia bằng tiền	12,465,715,000	

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	20%	20%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	20%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ñ- Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	12,465,715	6,465,715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,465,715	6,465,715
+ Cổ phiếu phổ thông	12,465,715	6,465,715
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,465,715	6,465,715
+ Cổ phiếu phổ thông	12,465,715	6,465,715
+ Cổ phiếu ưu đãi		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xây lắp	290,476,629,454	246,499,087,431
- Dự án	41,323,912,713	27,372,817,191
- Bán vật tư	16,832,892,859	10,473,403,762
- Cho thuê nhà văn phòng	32,240,837,041	26,448,042,350
- Khác	1,532,581,900	1,188,113,284
Cộng	382,406,853,967	311,981,464,018

2.

Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xây lắp	274,044,029,584	243,634,269,406
- Dự án	16,975,169,804	6,214,109,134
- Bán vật tư	14,393,485,938	8,612,652,187
- Cho thuê nhà văn phòng	12,591,845,441	9,919,211,470
- Khác	1,573,358,361	1,146,740,949
Cộng	319,577,889,128	269,526,983,146

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,812,795,866	1,401,910,560
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	530,662,529	1,038,896,493
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	215,233,251	36,560,000
Cộng	3,558,691,646	2,477,367,053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	11,409,704,764	3,407,893,478
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Chi phí kinh doanh chứng khoán	569,436,482	18,709,777
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	731,211,318	595,016,067
- Chi phí tài chính khác	168,032,323	46,152,505
Cộng	<u>12,878,384,887</u>	<u>4,067,771,827</u>

5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,861,223,177	9,305,157,163
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	173,569,150
Cộng	<u>9,861,223,177</u>	<u>9,478,726,313</u>

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	11,248,737	6,465,175
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	6,465,175	6,465,175
+ Số lượng cổ phiếu tăng bình quân trong năm	4,783,562	-
. Số lượng cổ phiếu phổ thông tăng	6,000,000	-
. Số ngày tăng cổ phiếu phổ thông	291	-
+ Số lượng cổ phiếu giảm bình quân trong năm	-	-
. Số lượng cổ phiếu phổ thông giảm	-	-
. Số ngày giảm cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lãi nhuận sau thuế	28,927,156,896	22,218,890,914
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,572	3,444

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

3. Thông tin về các bên liên quan

Tổng tiền lương và thưởng của các lãnh đạo chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao Hội đồng quản trị	865,998,134	706,530,000
- Thù lao Ban Kiểm soát	334,001,866	191,049,623
- Thu nhập của Ban Giám đốc	1,501,880,000	1,294,739,700

6. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	45.24%	49.64%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	54.76%	50.36%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	57.15%	61.32%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	42.85%	38.68%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.75	1.63
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.42	1.67
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.18	0.25
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	15.09%	17.69%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	11.31%	13.27%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	17.51%	17.61%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	14.46%	14.87%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	33.74%	38.44%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 1

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4,764,978,209		5,181,316,291
<i>Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)</i>	8,000	374,935,000	4,000	374.935.000
<i>Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE</i>	14,960	492,984,000	6,800	492.984.000
<i>Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM</i>	3,600	176,642,000	3,600	176.642.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)</i>	28,957	507,853,724	21,450	456.373.724
<i>Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)</i>	5,000	239,979,000	5,000	239.979.000
<i>Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)</i>	4,050	112,053,250	3,000	101.553.250
<i>Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)</i>	5,000	87,718,750	5,000	87.718.750
<i>Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)</i>	-		3,000	111.879.000
<i>Tập đoàn Bảo Việt (BVH)</i>	-		10,000	372.537.762
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)</i>	14,400	341,476,800	12,000	341.476.800
<i>Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)</i>	6,000	105,289,800	6,000	105.289.800
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)</i>	4,730	92,551,230	4,730	92.551.230
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)</i>	3,000	86,659,200	3,000	86.659.200
<i>Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)</i>	17,000	673,329,125	12,000	519.946.625
<i>Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)</i>	23,100	328,127,630	23,130	432.056.250
<i>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)</i>	3,699	36,989,700	6,000	191.926.500
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)</i>	-		3,000	83.048.400
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)</i>	24,000	666,884,000	16,000	506.884.000
<i>Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)</i>	6,000	156,315,000	3,000	126.315.000
<i>Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)</i>	5,463	285,190,000	5,000	280.560.000
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		68,000,000		
<i>Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE</i>	68	68,000,000		
Tiền gửi có kỳ hạn		21,301,500,000		8,850,000,000
<i>Đổi phòng giảm giá nậu tô ngắn hạn</i>		(1,821,248,609)		(1,090,037,291)
Cộng		24,313,229,600		12,941,279,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14,928,350,764	24,331,344,278	18,205,005,999	1,189,692,220	58,654,393,261
- Mua trong năm		214,004,105	2,097,638,563	137,182,038	2,448,824,706
- Đầu tư XD CB hoàn thành	102,505,537				102,505,537
- Tặng khác		-		47,755,238	47,755,238
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(524,838,236)	(371,950,000)	(129,074,116)	(1,025,862,352)
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	15,030,856,301	24,020,510,147	19,930,694,562	1,245,555,380	60,227,616,390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7,395,326,233	15,140,283,924	8,682,929,472	741,638,522	31,960,178,151
- Khấu hao trong năm	601,704,373	1,792,434,516	1,797,898,083	153,902,578	4,345,939,550
- Tặng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(168,224,023)	(371,950,000)	(13,124,387)	(553,298,410)
- Giảm khác		(260,991,100)		(77,811,119)	(338,802,219)
Số dư cuối năm	7,997,030,606	16,503,503,317	10,108,877,555	804,605,594	35,414,017,072
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	7,533,024,531	9,191,060,354	9,522,076,527	448,053,698	26,694,215,110
- Tại ngày cuối năm	7,033,825,695	7,517,006,830	9,821,817,007	440,949,786	24,813,599,318

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

12,405,225,703

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 4

Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền SD đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4,686,848,000				4,686,848,000
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	4,686,848,000	-	-	-	4,686,848,000
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,455,643,146				1,455,643,146
- Khấu hao tăng trong năm	234,342,396				234,342,396
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	1,689,985,542	-	-	-	1,689,985,542
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	3,231,204,854	-	-	-	3,231,204,854
- Tại ngày cuối năm	2,996,862,458	-	-	-	2,996,862,458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 5

Tăng, giảm BĐS đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguồn giá	46.633.928.942	5.623.181.868	-	52.257.110.810
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	46,633,928,942	5,623,181,868		52,257,110,810
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế	2.291.306.205	1.434.055.582	-	3.725.361.787
- Quyền sử dụng đất	2,291,306,205	1,434,055,582		3,725,361,787
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại	44.342.622.737	-	-	48.531.749.023
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	44,342,622,737			48,531,749,023
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 6

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		-		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1,300,000,000		1,300,000,000
- Công ty CP Thấp Nam Việt	130,000	1,300,000,000	130,000	1,300,000,000
Đầu tư dài hạn khác		4,500,000,000		4,500,000,000
- Đầu tư cổ phiếu		4,500,000,000		4,500,000,000
Công ty cổ phần BOT Cầu Đồng Nai	400,000	4,000,000,000	400,000	4,000,000,000
Công ty cổ phần Thủy Điện Srok Miêng				
IDICO	50,000	500,000,000	50,000	500,000,000
- Đầu tư trái phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng		5,800,000,000		5,800,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vốn chủ sở hữu

Phụ lục 7

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ ĐTPT	Quỹ Dự phòng TC	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	37.411.115.000	(909.515.400)	10.173.819.197	2.902.879.898	25.001.644.445	110.579.943.140
- Tăng vốn trong năm trước	28.657.150.000	11.065.694.600	-	-	-	-	39.722.844.600
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	22.218.890.914	22.218.890.914
- Tăng khác	-	-	909.515.400	1.382.963.121	1.131.269.700	-	3.423.748.221
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(26.099.794.136)	(26.099.794.136)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	64.657.150.000	48.476.809.600	-	11.556.782.318	4.034.149.598	21.120.741.223	149.845.632.739
- Tăng vốn trong năm nay	60.000.000.000	28.665.200.000	-	-	-	-	88.665.200.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	28.859.115.491	28.859.115.491
- Tăng khác	-	-	-	1.923.318.052	1.373.798.608	68.041.404	3.365.158.064
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(24.494.932.481)	(24.494.932.481)
Số dư cuối năm nay	124.657.150.000	77.142.009.600	-	13.480.100.370	5.407.948.206	25.552.965.638	246.240.173.814

X. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập (xem phần trên)

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến của kiểm toán nội bộ:

Công ty cổ phần Chương Dương đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

- Các nhận xét về quản lý, điều hành:

+ Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

Đã kịp thời đề ra những định hướng chiến lược đúng đắn trong sản xuất kinh doanh của Công ty, chỉ đạo sản xuất kinh doanh từng kỳ, từng quý trong năm phù hợp với điều kiện môi trường kinh doanh, thực hiện tốt các quy chế của Công ty, các quy định kinh doanh theo pháp luật Nhà nước, quản lý bám sát theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

+ Quản lý, điều hành của Tổng Giám Đốc

Công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2010 có rất nhiều nỗ lực và có hiệu quả, tuân thủ tốt các quy định kinh doanh theo pháp luật Nhà nước. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng kỳ, từng quý. Kết quả điều hành trong năm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh về sản lượng, doanh thu và đạt lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2011

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN MAI CƯỜNG